

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM NĂM BÁO CÁO 2007

## MỤC LỤC

|                   |  |            |
|-------------------|--|------------|
| <b>PHẦN I:</b>    | <b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>   | <b>T3</b>  |
|                   | 1. Quá trình phát triển.....   | T3         |
|                   | 2. Những bước đi tiên phong của IMEXPHARM.....   | T3         |
|                   | 3. Định hướng phát triển.....  | T4         |
| <b>PHẦN II:</b>   | <b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>   | <b>T5</b>  |
| <b>PHẦN II.1:</b> | <b>PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.<br/>BÁO CÁO TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG NHỆM KỲ II 2005-2007 VÀ<br/>PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ III 2008-2012 .....</b> | <b>T5</b>  |
| A.                | Báo cáo tóm tắt hoạt động nhiệm kỳ II 2005-2007 .....  | T5         |
|                   | 1. Về Kết quả sản xuất kinh doanh.....   | T7         |
|                   | 2. Về tài chính.....   | T9         |
|                   | 3. Về đầu tư .....   | T10        |
|                   | 4. Về hoạt động liên doanh liên kết.....   | T14        |
|                   | 5. Về hệ thống quản lý chất lượng và nghiên cứu phát triển.....  | T16        |
|                   | 6. Về hoạt động thương hiệu .....  | T16        |
|                   | 7. Về hoạt động thị trường.....  | T20        |
|                   | 8. Về nguồn nhân lực.....  | T20        |
|                   | 9. Về hành chính và pháp chế.....  | T21        |
| B.                | Phương hướng Nhiệm kỳ III 2008-2012 và kế hoạch cụ thể năm 2008 .....  | T22        |
|                   | I. Về phương hướng nhiệm kỳ III 2008-2012.....   | T22        |
|                   | II. Kế hoạch cụ thể trong năm 2008.....  | T22        |
| <b>PHẦN II.2:</b> | <b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC<br/>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH<br/>VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2007 .....</b>                     | <b>T25</b> |
|                   | I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....  | T25        |
|                   | II. Tình hình tài chính.....   | T28        |

|                   |  |            |
|-------------------|--|------------|
| 1.                | Kết quả tài chính.....   | T28        |
| 2.                | Một số chỉ số cơ bản.....  | T29        |
| 3.                | Công tác tài chính.....  | T30        |
| III.              | Hạn chế cần khắc phục.....   | T31        |
| IV.               | Nhiệm vụ kế hoạch năm 2008.....                                      | T31        |
| <b>PHẦN III:</b>  | <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>  | <b>T33</b> |
|                   | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.....                                   | T33        |
|                   | Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007 kiểm toán.....         | T38        |
|                   | Bảng cân đối kế toán năm 2007 kiểm toán.....                         | T39        |
|                   | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2007 kiểm toán.....                   | T41        |
|                   | Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2007 kiểm toán.....            | T43        |
| <b>PHẦN IV:</b>   | <b>BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....</b>    | <b>T66</b> |
| I.                | Kiểm toán độc lập.....   | T66        |
| II.               | Kiểm toán nội bộ.....  | T67        |
| <b>PHẦN V:</b>    | <b>CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....</b>                                 | <b>T69</b> |
| <b>PHẦN VI:</b>   | <b>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....</b>                                       | <b>T69</b> |
| I.                | Cơ cấu tổ chức.....  | T69        |
| II.               | Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc.....         | T71        |
| III.              | Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động..... | T73        |
| <b>PHẦN VII:</b>  | <b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>                    | <b>T75</b> |
| I.                | Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....                              | T75        |
| II.               | Các dữ liệu thống kê về cổ đông.....                                 | T76        |
| <b>PHẦN VIII:</b> | <b>THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU IMP.....</b>                                | <b>T77</b> |
| <b>PHỤ LỤC:</b>   | <b>NHỮNG THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI NĂM 2007.....</b>     | <b>T78</b> |

## **PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Quá trình phát triển:**

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm là Xí nghiệp Liên Hiệp Dược Đồng Tháp, trực thuộc Sở Y tế Đồng Tháp, được thành lập theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28/09/1983 của Sở Y tế Đồng Tháp.
- Tháng 11/1992, Xí nghiệp liên hiệp dược Đồng Tháp đổi tên thành Công ty Dược phẩm Đồng Tháp trực thuộc UBND Tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 12/QĐTL của UBND Tỉnh Đồng Tháp.
- Tháng 11/1999, Công ty Dược phẩm Đồng Tháp đổi tên thành Công ty Dược phẩm Trung ương 07 trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam theo quyết định 3466/QĐ BYT.
- Tháng 07/2001, thực hiện chủ trương cổ phần hoá của Nhà nước, Công ty Dược phẩm Trung ương 07 chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm theo quyết định 907/QĐTg ngày 25/07/2001 với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.

### **2. Những bước đi tiên phong của Imexpharm**

- Imexpharm là đơn vị đầu tiên trong nước đạt tiêu chuẩn GMP-ASEAN và đến tháng 8/2006 Imexpharm đầu tư và nâng cấp hai nhà máy Betalactam và Non Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP-WHO (good manufacturing practices), phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP-WHO, hệ thống kho theo tiêu chuẩn GSP-WHO.
- Imexpharm là Công ty dược phẩm đầu tiên thực hiện sản xuất nhượng quyền cho các tập đoàn, công ty lớn của Châu Âu và được tổ chức Y tế thế giới (WHO) chọn làm mô hình mẫu để xây dựng phim tư liệu giới thiệu cho các nước đang phát triển.
- Năm 2001 Imexpharm là Công ty dược phẩm đầu tiên trong Tổng công ty Dược Việt Nam thực hiện cổ phần hoá.
- Năm 2006 Imexpharm là Công ty dược Việt Nam đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là IMP.

### 3. Định hướng phát triển

Imexpharm đang và sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những công ty Dược phẩm hàng đầu tại Việt Nam với các chiến lược trung và dài hạn như sau:

- Tốc độ tăng trưởng Doanh thu & lợi nhuận của IMEXPHARM: 15% - 20%.
- Vốn điều lệ tăng lên: 150 tỷ nhằm đáp ứng cho nhu cầu mở rộng đầu tư duy trì mức độ tăng trưởng và phát triển của công ty.
- Tăng cường liên doanh liên kết với các công ty Dược trong và ngoài nước.
- Tập trung đầu tư các dự án: các nhà máy liên doanh sản xuất nhượng quyền thuộc nhóm Betalactam, trung tâm Remedica, mạng lưới phân phối trên toàn quốc.
- Thương hiệu IMEXPHARM: giữ vững là thương hiệu hàng đầu ngành Công nghiệp Dược Việt Nam với các thế mạnh chuyên biệt của mình.
- Đầu tư hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin.
- Hoàn thiện giai đoạn II về cơ cấu tổ chức của IMEXPHARM.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ kế thừa.

## **PHẦN II:                   BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **PHẦN II.1:                PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ                                   BÁO CÁO TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ II 2005-2007 VÀ                                   PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ III 2008-2012.**

#### **A. Báo cáo tóm tắt hoạt động nhiệm kỳ II 2005-2007:**

Khép lại những năm hoạt động nhiệm kỳ 2005 - 2007 với sự quan tâm hỗ trợ, cổ vũ từ các cấp lãnh đạo, từ quý cổ đông, IMEXPHARM đã phấn đấu đạt được kết quả rất khả quan với sự tăng trưởng tốt, bền vững trên các lĩnh vực hoạt động tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển thương hiệu, phát triển thị trường mục tiêu, phát triển liên doanh liên kết đặc biệt phát triển chiều sâu về hệ thống quản lý chất lượng và công nghệ sản xuất, phát triển nguồn nhân lực, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao quản trị doanh nghiệp và các hoạt động xã hội. Chúng tôi tin rằng các nhà đầu tư chiến lược, quý cổ đông cũng phấn khởi để chia vui cùng IMEXPHARM và cùng chúng tôi quyết tâm phấn đấu cho mục tiêu của nhiệm kỳ 2008 - 2012 và cho một năm đầu nhiệm kỳ 2008 thành công rực rỡ hơn nữa.

Nhiệm kỳ hoạt động 2005 – 2007 của IMEXPHARM đã trải qua nhiều cơ hội và thách thức, đặc biệt năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam là thành viên chính thức của WTO, nền kinh tế đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận và cũng là một năm với nhiều biến động trong ngành kinh tế nói chung và ngành dược phẩm nói riêng. Tăng trưởng GDP cả nước trong năm 2007 đã có bước phát triển mạnh với tỷ lệ tăng 8,5%, tuy nhiên cùng với đó là chỉ số giá tiêu dùng cũng gia tăng mạnh, thị trường chứng khoán và tỷ giá các ngoại tệ mạnh thay đổi thất thường, mức sống người dân được nâng cao hơn nhưng khoảng cách giàu nghèo cũng ngày càng rộng hơn.



# GDP + 8.5%



Ngành sản xuất và kinh doanh dược phẩm tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao trên 15% mỗi năm, đặc biệt là sự phát triển vượt bậc của ngành sản xuất dược trong nước với tỷ lệ sử dụng thuốc do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất đã gia tăng đáng kể. Nhiều doanh nghiệp dược Việt Nam đã trở thành điểm sáng của ngành và đang sẵn sàng sánh vai với các doanh nghiệp dược nước ngoài vốn xưa nay đang ở những vị thế khác biệt.

Tình hình giá cả tiêu dùng và đặc biệt là giá nguyên phụ liệu sản xuất thuốc biến động và tăng mạnh nhưng sản phẩm ngành dược tăng giá lại là một nhạy cảm lớn cũng đã tạo một áp lực lên tình hình kinh doanh và lợi nhuận của các doanh nghiệp Dược Việt Nam.

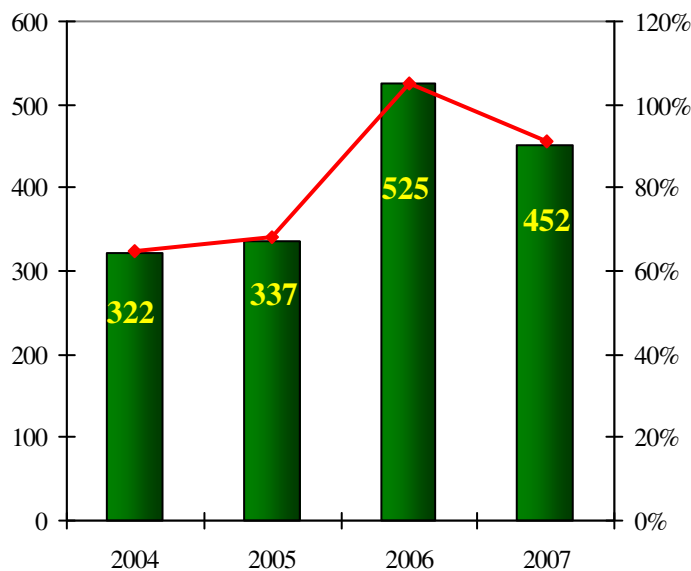


# Ngành dược + 15%

Trong bối cảnh đó, công ty IMEXPHARM đã kết thúc nhiệm kỳ hoạt động 2005 – 2007 với những thành tựu nổi bật như sau:

## 1. Về kết quả sản xuất và kinh doanh

**Doanh thu**

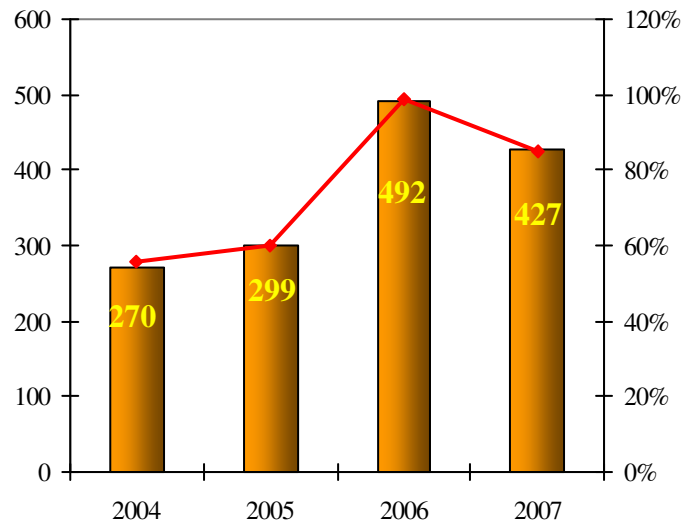


- Doanh thu: tăng 34% từ 337 tỷ năm 2005 lên 451,6 tỷ năm 2007 và tăng trưởng bình quân nhiệm kỳ là 13,3%. Trong đó, doanh thu sản xuất (chiếm hơn 90% doanh số của công ty)

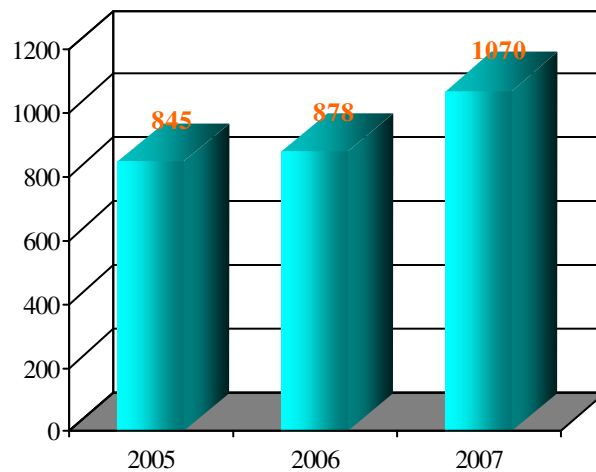
tăng 42,57% từ 299 tỷ năm 2005 lên 427 tỷ năm 2007 tăng trưởng bình quân nhiệm kỳ hơn 18,6%.

- Sản lượng sản xuất: Tăng 26,6% từ 845 triệu đơn vị năm 2005 lên 1070 triệu đơn vị năm 2007 và tăng trưởng bình quân nhiệm kỳ là 6,89%.

#### Doanh thu sản xuất

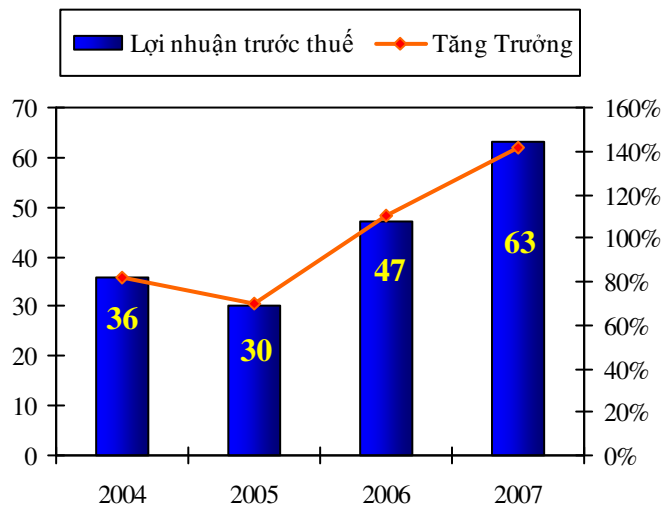


#### Sản lượng sản xuất



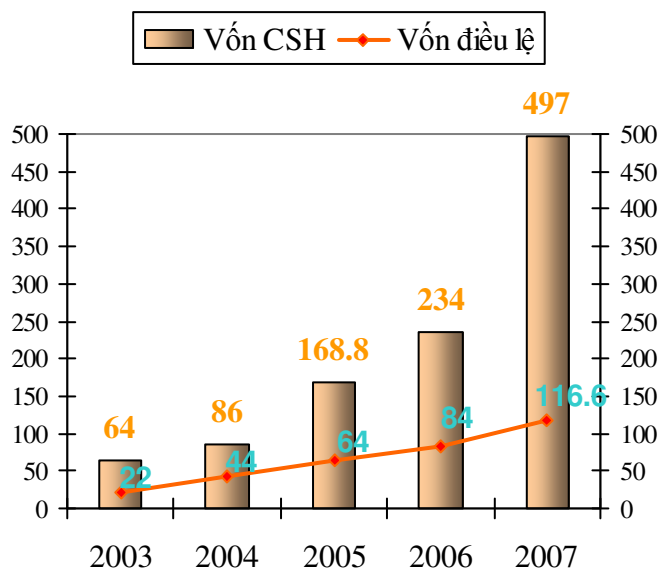
- Lợi nhuận trước thuế: Tăng 110,77% từ 30 tỷ đồng năm 2005 lên 63,23 tỷ đồng năm 2007 và tăng trưởng bình quân nhiệm kỳ là 25%.





## 2. Về tài chính:

- IMEXPHARM chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 04.12.2006.
- Phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ 82% từ 64 tỷ năm 2005 tăng lên 116.6 tỷ vào cuối năm 2007, đồng thời vốn chủ sở hữu cũng đã tăng từ 168.8 tỷ năm 2005 lên 497 tỷ đồng năm 2007, tức tăng 193%.



- Thực hiện tốt các cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ hạn chế các rủi ro, quản lý công nợ, tiền mặt, tồn kho hàng hoá luân chuyển hợp lý, tăng cường quay vốn và sử dụng vốn hiệu quả.

### **3. Về đầu tư**

Trong nhiệm kỳ qua cùng với sự khởi sắc của nền kinh tế trong quá trình hội nhập và sự phát triển ngày càng nhanh của công ty. Trong 3 năm qua hoạt động đầu tư như sau:

- Đầu tư nâng cao công nghệ, trang thiết bị cho sản xuất, R&D và QC.
- Nâng cấp 02 nhà máy Non Betalactam & Betalactam lên tiêu chuẩn GMP\_WHO.
- Nhà máy Cephalosporin GMP\_WHO (Viên + Chích) - đã khởi công ngày 27.12.2007 và dự kiến hoàn thành vào Q.I/2009.
- Nhà máy sữa Imexmilk đạt tiêu chuẩn ISO 22000 (ISO + HACCP).
- CNTT: Phần mềm có bản quyền, Hệ thống máy chủ để làm nền tảng cho việc thực thi ERPs trong 2009 – 2010.
- Tiếp nhận Trung tâm Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười. Sau khi sáp nhập, IMEXPHARM đã từng bước phát triển các sản phẩm từ dược liệu do Trung tâm nghiên cứu ra thị trường, phát triển các dược liệu quý hiếm, đầu tư mở rộng thiết bị cho nghiên cứu sản xuất trên qui mô rộng hướng đến xuất khẩu. Ngoài ra, dự án xây dựng Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại Trung tâm cũng đang trong quá trình qui hoạch tổng thể và triển khai sớm nhất.

## Nâng cấp nhà máy Beta & Non-Beta





**Mô hình Nhà máy Cephalosporin – Bình Dương.**



## **Nhà máy Imexmilk TC ISO 22000**







#### **4. Về hoạt động liên doanh liên kết:**

Trong bối cảnh gia nhập toàn cầu thì việc liên doanh, liên kết giữa các Công ty để tăng thêm tính cạnh tranh trên thị trường là điều tất yếu. Nhận thức được tầm quan trọng này, IMEXPHARM trong nhiệm kỳ qua đã xúc tiến mạnh mẽ các liên doanh và liên kết như sau:

- Tái ký kết HĐNQ với tập đoàn Sandoz – Áo 2006 – 2012.
- HĐNQ với BP Pharma & Innotech – Pháp.
- Liên doanh với Pharmascience – Top 3 tại Canada.
- Xúc tiến bước đầu với: Sanofi-Aventis, GSK.
- Liên doanh với Robinson – Mỹ về XNK.
- Liên doanh, liên kết với các Công ty trong nước: An Giang, Calapharco, Sóc Trăng...



## 5. Về hệ thống quản lý chất lượng và nghiên cứu phát triển

Thế mạnh truyền thống của IMEXPHARM là sản xuất nhượng quyền nhờ chúng tôi có nhà máy đạt tiêu chuẩn quốc tế, chúng tôi có đội ngũ cán bộ khoa học giỏi và công nhân lành nghề có bề dày kinh nghiệm hơn 10 năm trong sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP. IMEXPHARM đã trở thành địa chỉ sản xuất nhượng quyền đáng tin cậy của nhiều tập đoàn dược phẩm nổi tiếng thế giới (Dược các tập đoàn Dược phẩm: Sandoz, Sanofi, GSK... thẩm định và chấp nhận hệ thống QA của IMEXPHARM). Chúng ta ngày càng có thêm nhiều hợp đồng sản xuất nhượng quyền và gia công mới cho khách hàng từ 2008 – 2012 như hợp đồng với Sanofi Aventis, GSK (Glaxo Smith Kline) Pharmascience, Innotech và Robinson. Hệ thống quản lý chất lượng đã góp phần rất lớn cho sự thành công này, chính vì vậy trong nhiệm kỳ II, IMEXPHARM đã áp dụng, duy trì và luôn cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng của mình theo các tiêu chuẩn quốc tế: GMP, GLP, GSP, GDP, ISO 9001:2000; 22000:2005 để sản phẩm thuốc IMEXPHARM là sản phẩm mang thương hiệu chất lượng và hiệu quả.

Và với phương châm tập trung phát triển sản phẩm mang thương hiệu IMEXPHARM, trong nhiệm kỳ qua IMEXPHARM cũng đã tập trung đầu tư vào công tác nghiên cứu sản phẩm với đội ngũ R&D giàu kinh nghiệm và không ngừng được đào tạo nên trong năm 2005 nghiên cứu và cho ra thị trường 26 sản phẩm; năm 2006: 36 sản phẩm, năm 2007: 29 sản phẩm. Hiện nay, IMEXPHARM được Bộ Y Tế cho phép lưu hành toàn quốc trên 200 sản phẩm.

## 6. Về hoạt động thương hiệu

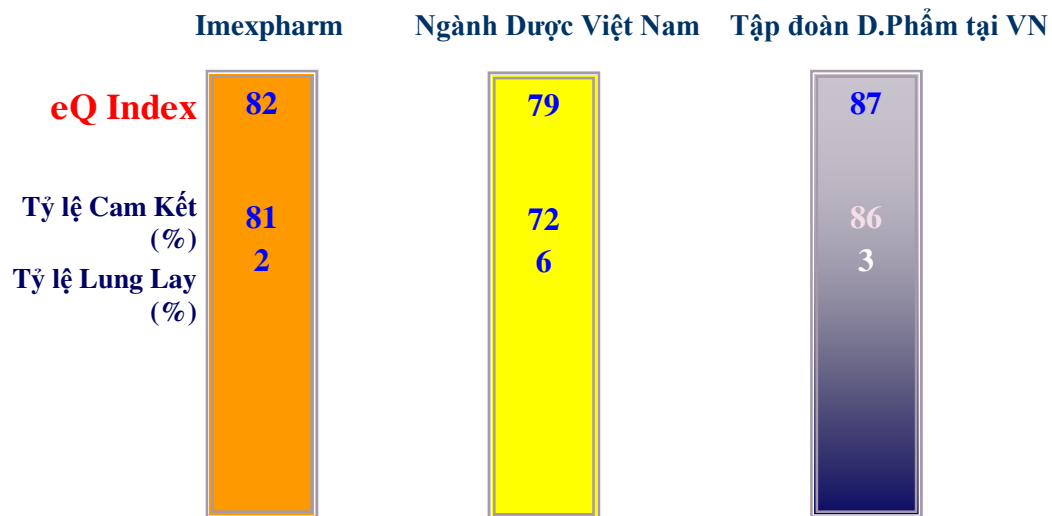
- Hoạt động trong ngành dược với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, IMEXPHARM luôn tạo cho mình một sự khác biệt nhằm đảm bảo tính cạnh tranh. Với giá trị và năng lực cạnh tranh cốt lõi, IMEXPHARM đã khẳng định chắc chắn về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình và thông điệp này đã được chuyển tải đến với khách hàng bằng các hoạt động: tham gia hội chợ hàng việt nam chất lượng cao, Hội thảo khoa học, chiến dịch quảng bá các sản phẩm chủ lực Probio, Maxgo ...hội nghị khách hàng, chương trình du lịch cùng IMEXPHARM, chương trình khuyến học IMEXPHARM, đặc biệt học bổng “**Đặng Thuỳ Trâm**” và các công tác từ thiện, cứu trợ ....







- Theo báo cáo nghiên cứu thị trường của AC Neilson, Chỉ số eQ IMEXPHARM (Là điểm số đánh giá tổng thể hoạt động của công ty, được tính toán dựa trên mức độ quan trọng của tất cả các yếu tố được các bác sĩ, chủ nhà thuốc chỉ định như: về sản phẩm, hình ảnh Công ty, nhân viên giao dịch, giá cả và lợi nhuận đem lại cho khách hàng, giao hàng và thanh toán, nhận đơn đặt hàng, các hoạt động tiếp thị) là 82 điểm cao hơn chỉ số trung bình của ngành Dược Việt Nam là 79 điểm và chỉ đứng sau các tập đoàn dược lớn tại Việt Nam như: Sanofi, GSK... bên cạnh đó thì tỷ lệ cam kết trung thành của khách hàng đối với IMEXPHARM là 81% so với ngành là 72% trong khi tỷ lệ lung lay chỉ 2% so với ngành là 6% (chỉ số của các tập đoàn dược tại Việt Nam là 3%) .



**Nguồn: AC Neilson**

*Số trung bình của Việt Nam được tổng hợp từ 21 công ty đã được thực hiện việc đánh giá khảo sát sự hài lòng của đối tác kinh doanh và bệnh nhân.*

## **7. Về hoạt động thị trường**

- Trong nhiệm kỳ qua IMEXPHARM đã xây dựng và củng cố hệ thống phân phối và thị trường mục tiêu: Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bên cạnh đó cũng đã đầu tư các chi nhánh mới cho hệ thống phân phối: Hà Nội và các tỉnh phía bắc, Cần Thơ, An Giang, Nha Trang, Đà Nẵng, Châu Thành, đồng thời cũng từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu sang Campuchia, Trung Đông, Châu Phi và các nước Đông Âu.

## **8. Về nguồn nhân lực**



Chúng tôi hiểu rằng trong cùng một ngành công nghiệp thì sự khác biệt duy nhất của các doanh nghiệp là con người. Chúng tôi đang trong giai đoạn tái cấu trúc công ty và phát triển, đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận. Đây là một dự án quan trọng và mang tính chiến lược cho tương lai của IMEXPHARM. Chúng tôi cam kết đội ngũ nhân sự thay đổi với cấu trúc tổ chức mới sẽ làm việc hiệu quả hơn cho sự phát triển bền vững của toàn công ty, cho quyền lợi của tất cả cổ đông chứ không phải cho riêng một cá nhân hay một nhóm thiểu số cá nhân nào cả.



## **9. Về hành chính và pháp chế**

- Trong nhiệm kỳ qua, IMEXPHARM đã thành lập được bộ phận pháp chế và hợp đồng dài hạn với một công ty tư vấn luật chuyên nghiệp tại Tp.HCM nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh của IMEXPHARM luôn tuân thủ pháp luật và dần phù hợp với các thông lệ quốc tế, hạn chế các rủi ro và tạo sự tin tưởng của các nhà đầu tư, các cổ đông.
- Đồng thời, để hệ thống quản trị luôn đạt hiệu quả cao, IMEXPHARM cũng đã hoàn thiện các quy chế, chế độ chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và cơ cấu tổ chức Công ty: quy chế hoạt động HĐQT, BKS, quy chế làm việc công ty, quy chế quản trị công ty....

Thưa các nhà đầu tư và quý cổ đông!

Đầu tư vào IMEXPHARM là quý vị đang đầu tư vào một ngành công nghiệp đặc biệt mà mọi hoạt động của nó gắn bó mật thiết với sức khỏe và thậm chí cả tính mạng của con người. Chúng tôi tin rằng quý vị cổ đông hiểu rõ điều đó và dễ dàng thông cảm với chúng tôi khi không quá tạo áp lực về tỷ lệ lợi nhuận bởi tỷ lệ lợi nhuận cao trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe không phải luôn luôn đem lại một hình ảnh tốt đẹp cho công ty. Chúng ta chấp nhận một tỷ lệ lợi nhuận hợp lý nhưng với doanh số hợp lý phát triển ổn định, đầu tư chiều sâu thì giá trị lợi nhuận đem lại cho cổ đông sẽ cũng gia tăng hợp lý và đáng kể.

Hội đồng quản trị IMEXPHARM trong nhiệm kỳ qua không chọn chiến lược phát triển nóng bởi nó chứa đựng nhiều yếu tố nguy cơ và mất cân bằng. Sự tăng trưởng nóng luôn làm tiêu tốn rất nhiều nguồn lực bao gồm cả nguồn lực tiền bạc và nguồn lực con người. Sự tăng trưởng nóng thường chứa nhiều rủi ro, đặc biệt là sự suy thoái đột ngột mà chúng ta không lường trước được trong tương lai do mất cân bằng giữa hoạt động kinh doanh và khả năng quản lý của nguồn lực con người, cũng như chưa kể đến những rủi ro do bối cảnh kinh tế, xã hội của Việt Nam nói riêng và kinh tế thế giới nói chung.

Đối với IMEXPHARM, hơn ai hết chúng tôi hiểu rõ nguồn lực của mình và cam kết đi theo chiến lược phát triển bền vững. Chúng tôi muốn các cổ đông, các nhà đầu tư cùng chia sẻ với chúng tôi chiến lược kinh doanh dài hạn này. Khi đầu tư vào IMEXPHARM, quý vị hãy cùng chúng tôi nhìn đến kết quả của 05 năm, 10 năm hoặc xa hơn nữa.

Hoạt động marketing và hoạt động xã hội sẽ đem lại cho công ty những giá trị hữu hình và vô hình to lớn. Trên thế giới có những thương hiệu nổi tiếng trong ngành dược phẩm mà chỉ cần nhắc đến nó cũng đã làm vững tay người thầy thuốc và yên lòng người bệnh.

IMEXPHARM đã từng có những sản phẩm uy tín đối với giới chuyên môn cũng như người tiêu

dùng và chúng tôi cam kết sẽ phát triển hình ảnh của công ty và của sản phẩm để thương hiệu IMEXPHARM trở thành niềm tin của người tiêu dùng. Đành rằng đây là một hoạt động với chi phí lớn nhưng đó là một hoạt động đầu tư hiệu quả cho tương lai của công ty và chúng tôi mong nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông đối với các hoạt động này.

## **B. Phương hướng nhiệm kỳ III 2008-2012 và kế hoạch cụ thể năm 2008**

Chúng tôi cam kết giữ vững IMEXPHARM là một trong những thương hiệu hàng đầu của ngành công nghiệp Dược Việt Nam với những thế mạnh chuyên biệt của mình. Lòng tin đó đã được chúng tôi cụ thể hóa bằng những chỉ tiêu cụ thể cho kế hoạch phân đầu nhiệm kỳ III và năm 2008 như sau:

### **I. Về phương hướng nhiệm kỳ III (2008-2012)**

1. Tốc độ tăng trưởng Doanh thu & lợi nhuận của IMEXPHARM: 15% - 20%.
2. Vốn điều lệ tăng lên: 150 tỷ nhằm đáp ứng cho nhu cầu mở rộng đầu tư duy trì mức độ tăng trưởng và phát triển của công ty.
3. Tăng cường liên doanh liên kết với các công ty Dược trong và ngoài nước.
4. Tập trung đầu tư các dự án: các nhà máy liên doanh sản xuất nhượng quyền thuộc nhóm Betalactam, trung tâm Remedica, mạng lưới phân phối trên toàn quốc.
5. Thương hiệu IMEXPHARM: giữ vững là thương hiệu hàng đầu ngành Công nghiệp Dược Việt Nam với các thế mạnh chuyên biệt của mình.
6. Đầu tư hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin.
7. Hoàn thiện giai đoạn II về cơ cấu tổ chức của IMEXPHARM.
8. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ kế thừa.

### **II. Kế hoạch cụ thể trong năm 2008**

1. Doanh thu đạt 565 tỷ đồng, với doanh thu này, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 70 tỷ đồng.
2. Tiếp tục mở rộng thị trường miền Bắc, miền Đông, miền núi và thị trường xuất khẩu, củng cố giữ vững thị trường Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời thiết lập các dữ liệu thị trường một cách chính xác và hiệu quả
3. Phát triển tốt hoạt động NCKT theo chiến lược kinh doanh 2008-2010, xác định lợi thế kinh doanh là sản phẩm chất lượng cao và sản phẩm liên doanh, nhượng quyền.

4. Thực thi các giải pháp cung ứng, bán hàng: kế hoạch hoá nhu cầu hàng hoá của thị trường, kế hoạch nguyên phụ liệu cho sản xuất, sắp xếp lao động hợp lý và phối hợp tốt giữa các bộ phận.
5. Về tài chính: đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro công nợ, xây dựng định mức hàng tồn kho, đẩy nhanh vòng quay vốn, sử dụng đòn cân nợ, quản lý tốt chi phí, thực hiện tiết kiệm hiệu quả.
6. Về đầu tư: Trong năm 2008 phải hoàn thành việc xây dựng nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương. Đầu tư và khai thác hiệu quả Remedica - Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu của IMEXPHARM, xúc tiến nhanh dự án liên doanh xây dựng Nhà máy dược phẩm với Pharmacienc - Canada. Tái xét duyệt GMP-WHO, tiêu chuẩn GDP, GPP, thực thi ISO. Đầu tư giai đoạn I hệ thống CNTT.
7. Tiếp tục đóng góp vào các hoạt động xã hội để hình ảnh của IMEXPHARM ngày càng gần gũi và thân thiện với cộng đồng.
8. Hoàn thiện tái cấu trúc IMEXPHARM. Thực thi chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Mục tiêu hoạt động cho nhiệm kỳ III 2008 – 2012 là rất quan trọng và hết sức nặng nề bởi áp lực cạnh tranh và bởi những đòi hỏi của nền kinh tế đất nước đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. HĐQT và BKS nhiệm kỳ III sẽ được ĐHQĐ tin nhiệm và giao phó cho mỗi một thành viên cùng gánh trên vai mình một trọng trách đầy vinh quang và thách thức. Nhưng chúng tôi luôn tự hào với đội ngũ cán bộ cấp cao và cấp trung của IMEXPHARM với những giá trị cốt lõi của IMEXPHARM và văn hoá IMEXPHARM. Mỗi một thành viên quan trọng của IMEXPHARM sẽ là cầu nối liên kết chặt chẽ giữa quản trị chiến lược, điều hành và kiểm soát, chắc chắn sẽ hoàn thành tốt mục tiêu nhiệm kỳ III 2008 – 2012.

Chúng tôi xin cam kết sẽ tiếp tục phát huy những việc đã làm được, những mặt tích cực; ra sức điều chỉnh những mặt chưa đủ mạnh và những điểm còn bất cập, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch 2008 – 2012 và không ngừng nghiên cứu đổi mới phương pháp tư duy và hành động để không phụ lòng tin yêu của các cấp lãnh đạo quản lý, các nhà đầu tư, khách hàng, các đối tác và quý cổ đông đã dành cho IMEXPHARM trong nhiều năm qua với vai trò và trách nhiệm của một Công ty Dược IMEXPHARM niềm yết trên sàn chứng khoán.

Chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đến sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo từ TW đến địa phương tỉnh Đồng Tháp, lãnh đạo Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược Việt Nam, trực tiếp lãnh đạo Tổng Công ty Dược Việt Nam, Hiệp hội Sản xuất & Kinh doanh Dược VN cùng các đối tác, các khách hàng, các đồng nghiệp, và đặc biệt chúng tôi xin phép được gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả

các nhà đầu tư, các cổ đông IMEXPHARM đã đóng góp nhiều công sức và tiền bạc cho sự đầu tư và phát triển bền vững của IMEXPHARM. Chúng tôi thực sự tự hào là đối tác của toàn thể quý cổ đông, cam kết làm việc vì quyền lợi của IMEXPHARM và quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư và cổ đông.

Chúng tôi kính chúc toàn thể quý nhà đầu tư và cổ đông sức khỏe - hạnh phúc và chúc cho sự nghiệp của chúng ta cũng chính là sự nghiệp của IMEXPHARM ngày càng phát triển bền vững.

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

---

**DS. Trần Thị Đào.**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Tp.Cao Lãnh ngày 05 tháng 04 năm 2008*



## **PHẦN II.2:           BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

### **VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2007**

Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới và là năm đầu tiên Imexpharm lên sàn giao dịch chứng khoán tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo ra nhiều cơ hội mới và thách thức mới mà Imexpharm phải đối mặt vượt qua, đó là:

- Sự hội nhập toàn cầu đồng thời là sự cạnh tranh ngày càng sâu rộng và quyết liệt hơn.
- Chịu sự tác động mạnh mẽ về tình hình kinh tế, chính trị thế giới mà nổi bật năm qua là biến động phức tạp giá cả nhiên liệu, nguyên liệu, dịch vụ,... làm tăng áp lực chi phí đầu vào trong sản xuất.
- Tình hình thị trường chứng khoán diễn biến bất thường và âm ảm do chịu tác động của nền kinh tế nước Mỹ tạo tâm lý quan ngại cho các nhà đầu tư.
- Thực hiện công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và hoạt động công ty...

Nhận thức được những cơ hội và thách thức mang đến, chiến lược của công ty đặt ra là *“Sự phát triển ổn định, bền vững gắn liền với uy tín thương hiệu Imexpharm và lợi ích của các nhà đầu tư”* và mục tiêu năm 2007 cũng như cho những năm tiếp theo của công ty là: Tiếp tục củng cố giữ vững thị trường đã có, phát triển thị trường mới; không ngừng cải tiến kỹ thuật, quy trình sản xuất, hệ thống quản lý để nâng cao chất lượng sản phẩm; lựa chọn các giải pháp tài chính phù hợp để đảm bảo nhu cầu vốn cho kinh doanh và mở rộng đầu tư, nâng cao năng suất, tiết giảm chi phí, ổn định giá thành và tăng lợi nhuận là yếu tố nội lực đặc biệt quan trọng để tạo lợi thế cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao uy tín thương hiệu Imexpharm.

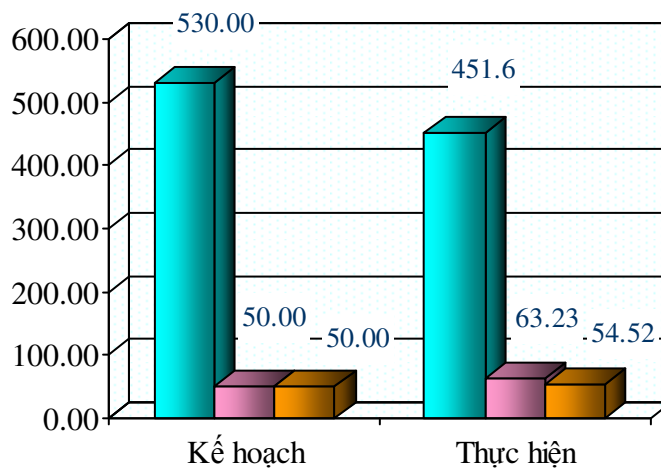
Có thể nói năm 2007 là năm công ty đã tập trung cao cho sự phát triển của công ty trong điều kiện hết sức phức tạp của nền kinh tế hội nhập và đã đạt được một số kết quả trong hoạt động tài chính như sau:

#### **I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**+ So với kế hoạch:**

Đơn vị: 1.000 đồng

| Chỉ tiêu               | KH<br>Năm 2007 | Thực hiện<br>năm 2007 | Tỷ lệ<br>% |
|------------------------|----------------|-----------------------|------------|
| - Doanh thu thuần      | 530.000.000    | 451.602.312           | 85,21      |
| - Lợi nhuận trước thuế | 50.000.000     | 63.230.637            | 126,46     |
| - Lợi nhuận sau thuế   | 50.000.000     | 54.518.396            | 109,04     |



■ Doanh thu thuần   ■ Lợi nhuận trước thuế   ■ Lợi nhuận sau thuế

Doanh thu thuần thực hiện thấp hơn kế hoạch 14,79% nhưng lợi nhuận trước thuế tăng 26,46% và lợi nhuận sau thuế tăng 9,04% kế hoạch. Do trong năm giá cả nguyên liệu một số mặt hàng tăng cao, công ty đã chủ động rà soát để hạn chế sản xuất những sản phẩm không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp (không chạy theo doanh số).

**+ So với thực hiện năm 2006:**

Đơn vị: 1.000 đồng

| Chỉ tiêu          | Thực hiện<br>năm 2006 | Thực hiện<br>năm 2007 | Tỷ lệ<br>% |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| - Doanh thu thuần | 525.406.019           | 451.602.312           | 85,95      |
| <u>Trong đó:</u>  |                       |                       |            |
| + Hàng sản xuất   | 492.573.752           | 427.723.410           | 86,83      |

|                        |             |             |        |
|------------------------|-------------|-------------|--------|
| - Lãi gộp              | 158.145.742 | 193.030.419 | 122,06 |
| - Chi phí bán hàng     | 98.699.233  | 113.380.455 | 114,87 |
| - Chi phí quản lý      | 12.813.109  | 21.929.910  | 171,15 |
| - Lợi nhuận trước thuế | 47.113.602  | 63.230.638  | 134,21 |
| - Lợi nhuận sau thuế   | 42.275.713  | 54.518.396  | 128,96 |

1. Về doanh thu: So với thực hiện năm 2006 doanh thu bán hàng năm 2007 giảm 14,05% chủ yếu do:

- Giảm doanh thu hàng mua khác vì hiệu quả kinh tế thấp, công ty hạn chế không phát triển doanh số.
- Giảm doanh thu hàng sản xuất, do năm 2006 có 133,69 tỷ doanh thu hàng sản xuất cho chương trình thuốc chống cúm gia cầm của Bộ Y tế.

Nếu loại trừ doanh số hàng chương trình nói trên thì doanh thu năm 2007 so với năm 2006 tăng 15,23%. Trong đó doanh thu hàng sản xuất tăng 19,18%.

2. Lãi gộp tăng so với năm 2006 là 22,06% do:

- Năm 2006 hàng cho chương trình thuốc cúm gia cầm hiệu quả không đáng kể, nên lãi gộp rất thấp.
- Công ty hạn chế kinh doanh những mặt hàng hiệu quả kinh tế thấp.

3. Chi phí bán hàng tăng so năm 2006 là 14,87% thấp hơn so với tỷ lệ tăng trưởng lãi gộp.

4. Chi phí quản lý tăng so với năm 2006 là 71,15% chủ yếu do tăng các khoản chi phí đào tạo huấn luyện, hội nghị khoa học, tái cấu trúc công ty, chi phí chuyên gia và tư vấn, ...

5. Lợi nhuận: Tuy doanh thu chung năm 2007 không đạt kế hoạch và thấp hơn năm 2006 do những nguyên nhân đã phân tích như trên, nhưng lợi nhuận trước thuế năm 2007 tăng 34,21% và lợi nhuận sau thuế tăng 28,96% so với năm 2006. Có được kết quả tăng trưởng cao như vậy ngoài việc áp dụng các biện pháp tăng năng suất, tiết giảm chi phí, ... công ty còn có những chiến lược hợp lý và đúng đắn như:

- Cơ cấu lại sản phẩm hiện có theo hướng thị trường loại bỏ những sản phẩm không có hiệu quả.

- Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới chất lượng cao mà Imexpharm có lợi thế cạnh tranh nhằm không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm Imexpharm.
- Dự trữ hợp lý để ổn định sản xuất và giá thành trong tình hình giá cả nguyên liệu biến động tăng cao bất thường.

## II. Tình hình tài chính:

### 1. Kết quả tài chính

(Đơn vị: Triệu đồng)

| Chỉ tiêu                        | Số đầu năm        | Số cuối năm       | Tỷ lệ          |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| <b>Tổng tài sản</b>             | <b>304.670,54</b> | <b>568.425,52</b> | <b>186,57%</b> |
| <b>A – Tài sản ngắn hạn</b>     | <b>260.420,05</b> | <b>469.910,00</b> | <b>180,44%</b> |
| 1- Tiền & các khoản tương đương | 65.607,18         | 49.244,21         | 75,06%         |
| 2 - Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 0                 | 155.294,85*       |                |
| 3 – Các khoản phải thu ngắn hạn | 56.766,74         | 115.466,73 *      | 203,41%        |
| 4 – Hàng tồn kho                | 129.764,50        | 138.949,58 *      | 107,08%        |
| 5 – Tài sản ngắn hạn khác       | 8.281,63          | 10.954,63         | 132,28%        |
| <b>B – Tài sản dài hạn</b>      | <b>44.250,49</b>  | <b>98.515,52</b>  | <b>222,63%</b> |
| 1 – Tài sản cố định             | 35.068,22         | 44.361,78         | 126,49%        |
| 2 – Các khoản ĐTư-TC dài hạn    | 1.574,50          | 23.068,52 *       | 1.465,69%      |
| 3 – Tài sản dài hạn khác        | 7.607,77          | 31.085,21 *       | 408,60%        |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>           | <b>304.670,54</b> | <b>568.425,52</b> | <b>186,57%</b> |
| <b>A- Nợ phải trả</b>           | <b>70.494,88</b>  | <b>70.873,65</b>  | <b>100,54%</b> |
| 1 – Nợ ngắn hạn                 | 70.008,58         | 70.172,22         | 100,23%        |
| 2 – Nợ dài hạn                  | 486,30            | 701,43            | 142,24%        |
| <b>B – Vốn Chủ sở hữu</b>       | <b>234.175,66</b> | <b>497.551,86</b> | <b>212,47%</b> |
| 1 – Vốn chủ sở hữu              | 232.807,35        | 494.960,73*       | 212,61%        |
| + Vốn điều lệ                   | 84.000,00         | 116.598,20        | 138,07%        |
| 2 – Nguồn kinh phí khác         | 1.368,31          | 2.591,13          | 189,40%        |

Tổng nguồn vốn và tổng tài sản cuối năm so với đầu năm tăng 86,57% chủ yếu do phát hành tăng vốn điều lệ, hiệu quả kinh doanh và lợi thế thương mại mang lại.

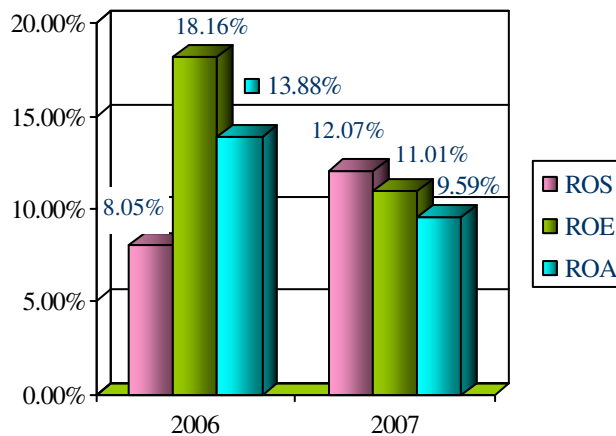
Trong cơ cấu tổng tài sản:

- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 155,29 tỷ đồng, chủ yếu là khoản thặng dư vốn phát hành được tạm thời đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trên 135 tỷ đồng và 19 tỷ đồng là đầu tư vào cổ phiếu các công ty trong ngành Dược.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng so với đầu năm 103,41% chủ yếu là khoản trả trước bất động sản để mở rộng hệ thống phân phối (chưa hoàn thành hồ sơ chuyển quyền sở hữu). Nếu loại trừ khoản này thì công nợ phải thu chỉ tăng 4,16%.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng do đầu tư vốn vào công ty liên doanh.
- Tài sản dài hạn khác tăng 308,60% do tiền thuê đất và lợi thế thương mại từ nhập Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược Liệu Đồng Tháp Mười.

## 2. Một số chỉ số cơ bản:

### Khả năng sinh lời:

| Chỉ số                        | 2006       | 2007       | Tỷ lệ   |
|-------------------------------|------------|------------|---------|
| Tỷ suất LNST/ Doanh thu (ROS) | 8,05%      | 12,07%     | 149,94% |
| Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)    | 18,16%     | 11,01%     | 60,63%  |
| Tỷ suất LNST/ Tổng TS (ROA)   | 13,88%     | 9,59%      | 69,09%  |
| Thu nhập/ Cổ phiếu (EPS)      | 5.563,00 đ | 5.951,00 đ | 106,97% |

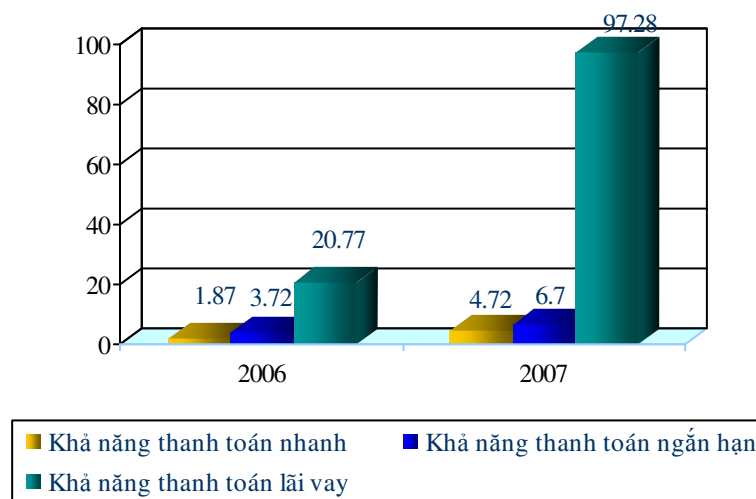


Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu so năm 2006 tăng 49,94% nhưng tỷ suất sinh lời trên vốn CSH và tổng tài sản đều giảm. Nguyên nhân do công ty thực hiện hoàn thành đợt phát

hành tăng vốn điều lệ vào giữa quý 4 năm 2007 làm vốn CSH và tổng tài sản tăng cao vào cuối năm. Tuy nhiên, công ty cũng giữ được mức tăng trưởng EPS được 6,97% so với năm 2006.

#### Khả năng thanh toán (lần)

| Chỉ số                       | 2006  | 2007  | Tỷ lệ   |
|------------------------------|-------|-------|---------|
| Khả năng thanh toán nhanh    | 1,87  | 4,72  | 252,41% |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | 3,72  | 6,70  | 180,11% |
| Khả năng thanh toán lãi vay  | 20,77 | 97,28 | 468,37% |



Các chỉ số trên nói lên khả năng thanh toán của công ty rất tốt và tăng cao ở cuối năm, điều đó cũng cho thấy công ty đang thừa vốn lưu động tạm thời do đợt phát hành cuối năm và được khắc phục bằng việc đầu tư tiền gửi có kỳ hạn để sẵn sàng giải ngân cho các dự án.

### 3. Công tác tài chính:

Đóng vai trò quan trọng trong việc huy động mọi nguồn vốn phục vụ cho sự phát triển, đồng thời tổ chức sử dụng vốn một cách hợp lý nhất để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho công ty.

Trong năm, công tác tài chính đã tập trung thực hiện tốt một số công tác trọng tâm như:

- Lựa chọn các nhà đầu tư và tổ chức thành công lễ ký kết với các nhà đầu tư chiến lược.

- Thực hiện thành công các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 84 tỷ đồng lên 116,60 tỷ đồng và đăng ký thời gian hưởng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN đến năm 2009.
- Thực hiện thành công việc sáp nhập TTNCBT&PTDL Đồng Tháp Mười.
- Kiểm soát chi phí, công nợ và hợp lý hoá trong khâu dự trữ trước tình hình biến động giá cả nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Trong đầu tư: Thực hiện đầu tư vốn vào các công ty liên doanh, liên kết để mở rộng thị trường. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ giải ngân thực hiện dự án đầu tư nâng cấp nhà máy hiện có, xây dựng nhà máy Cephalosporine, TTNCBT&PTDL Đồng Tháp Mười, đầu tư hệ thống phân phối, nâng cấp hệ thống CNTT và mua bản quyền hệ điều hành Windows theo luật sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, năm 2007 công ty cũng đã tổ chức thực hiện tốt việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời các báo cáo tài chính định kỳ và tình hình hoạt động của công ty cho thị trường chứng khoán tạo niềm tin cho các cổ đông và nhà đầu tư vào Imexpharm và cổ phiếu IMP.

### **III. Hạn chế cần khắc phục:**

Bên cạnh những thành quả đã đạt được còn một số hạn chế cần được khắc phục:

- Do tình hình giá cả nguyên liệu còn nhiều biến động bất thường, việc dự trữ nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất và giá thành là cần thiết. Tuy nhiên cũng cần tính toán một cách thận trọng, hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong khâu dự trữ.
- Về công nợ: Được quản lý tốt, đặc biệt đối với các khoản công nợ phải thu, nhưng vẫn có những khoản nợ khó đòi, tuy không lớn (Dưới 1%) và được lập dự phòng đầy đủ, cần được xử lý dứt điểm.
- Về hiệu quả sử dụng vốn: Do áp lực cạnh tranh, công ty phải mở rộng đầu tư sản xuất, thị trường và hệ thống phân phối nên đã phát hành tăng vốn điều lệ cuối năm làm cho ROE và ROA giảm, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đưa vào hoạt động.

### **IV. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2008:**

Theo nhận định, năm 2008 nền kinh tế thế giới có nhiều biến động bất thường và phức tạp. Do bất ổn về chính trị, khủng hoảng giá nhiên liệu đang gia tăng, nền kinh tế Mỹ đang có biểu hiện suy thoái, thiên tai, dịch bệnh ngày càng phát triển, sự suy thoái của thị trường chứng khoán và sự tác động của nền kinh tế hội nhập làm gia tăng áp lực cạnh tranh...Đó là những thách thức lớn cho các doanh nghiệp trong năm 2008.

Với những đặc điểm trên, dựa vào những tiềm năng, thế mạnh của công ty, nhiệm vụ trọng tâm công tác tài chính nhằm thực hiện các chỉ tiêu kinh tế cơ bản năm tài chính 2008 như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

| STT | Chỉ tiêu             | KH – 2008 | Tỷ lệ (%)<br>2008 / 2007 |
|-----|----------------------|-----------|--------------------------|
| 1   | Doanh thu thuần      | 565,00    | 125,11%                  |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 70,00     | 110,71%                  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 61,00     | 111,89%                  |

Bên cạnh đó, trong nhiệm kỳ III sẽ duy trì mức độ tăng trưởng bình quân doanh thu từ 15% - 20%, đồng thời thực hiện tốt các mặt công tác khác như:

- Đảm bảo nhu cầu vốn cho sản xuất và đầu tư: Năm 2008 là năm tập trung đầu tư của công ty và nhu cầu dự trữ nguyên liệu để ổn định sản xuất trước sự biến động của giá nguyên liệu, nên nhu cầu vốn của công ty là rất lớn khả năng công ty bị thiếu vốn khoảng 20-30 tỷ đồng. Vì vậy, cần tập trung tăng cường kiểm soát chi phí, hàng tồn kho, công nợ, các khoản đầu tư và tiến độ giải ngân của các dự án một cách chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tính toán khả năng sử dụng đòn bẩy nợ để tăng ROE và ROA.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo và công bố thông tin về kết quả tài chính và tình hình hoạt động của công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư.

Trên đây là một số kết quả hoạt động công tác tài chính chủ yếu thực hiện năm 2007 và kế hoạch hoạt động năm 2008 xin báo cáo trước các nhà đầu tư và quý cổ đông.

Trân trọng kính chào!

---

**CN. Nguyễn Quốc Định**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Tp.Cao Lãnh ngày 05 tháng 04 năm 2008*



### PHẦN III:

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

#### Khái quát về công ty

Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược phẩm Trung ương 7 theo Quyết định số 907/QĐ-TTg ngày 25 tháng 07 năm 2001 của Thủ Tướng Chính Phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000003 ngày 01 tháng 08 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau :

- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 ngày 05 tháng 8 năm 2003, lần thứ 2 ngày 23 tháng 12 năm 2003 và lần thứ 5 ngày 23 tháng 4 năm 2007 về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 3 ngày 7 tháng 3 năm 2005 và lần 6 ngày 18 tháng 5 năm 2007 về việc thành lập Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 4 ngày 14 tháng 4 năm 2007 và lần 7 ngày 14 tháng 12 năm 2007 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: 116.598.200.000 VND

*Trong đó:*

|   | Số tiền (VND)          | Tỷ lệ (%)     |
|---|------------------------|---------------|
| - Vốn Nhà nước                          | 30.361.600.000         | 26,04         |
| - Vốn của các cá nhân và pháp nhân khác | 86.236.600.000         | 73,96         |
| <b>Cộng</b>                             | <b>116.598.200.000</b> | <b>100,00</b> |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 04, đường 30/4, phường 01, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Số điện thoại : (067) 851620

Số Fax : (067) 853106

Email : Imexpharm@hcm.vnn.vn

Website : www.imexpharm.com

Mã số thuế : 1400384433

Các đơn vị trực thuộc:

| <b>Tên đơn vị</b>   | <b>Địa chỉ</b>  |
|---|---|
| Chi nhánh TP Hồ Chí Minh  | Số 63B-65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, TP Hồ Chí Minh.                 |
| Chi nhánh 2 TP Hồ Chí Minh  | Lô B16/I, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh            |
| Chi nhánh An Giang  | Số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.                    |
| Chi nhánh Đồng Bằng   | Lô G, Trung Tâm Thương mại Cái Khế, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ            |
| Chi nhánh Hà Nội  | Số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hoà-Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.               |
| Chi nhánh số 3  | Số 22, đường số 2, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. |
| Chi nhánh – Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười | Ấp 3, xã Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.                                   |

Hoạt động chính của Công ty:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc.
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người.
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Nuôi trồng, chế biến và mua bán dược liệu.
- Kinh doanh ngành du lịch nghỉ dưỡng
- Đầu tư tài chính; Kinh doanh bất động sản.

#### **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 84 tỷ VND lên 116 tỷ VND để đầu tư cho các dự án: Xây dựng nhà máy Cephalosporin tại khu công nghiệp Việt Nam- Singapore, Bình Dương; Đầu tư vào Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười; hoàn

thiện hệ thống phân phối sản phẩm và nâng cấp thiết bị hiện đại cho các Nhà máy.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 31 tháng 10 năm 2007 đã thông qua việc phát hành 161.200 cổ phiếu để mua lại phần vốn Nhà nước tại Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười từ Tổng Công ty dược Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh việc đầu tư vào cổ phiếu và đầu tư mua 25,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần dược phẩm An Giang.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty được trình bày trong phần sau.

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2007 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

| <b>Chỉ tiêu</b>               | <b>Số tiền (VND)</b> |
|-------------------------------|----------------------|
| Trích quỹ dự phòng tài chính  | 3.568.828.693        |
| Trích quỹ đầu tư phát triển   | 17.127.234.362       |
| Chi thù lao Hội đồng quản trị | 160.000.000          |
| Trích quỹ khen thưởng         | 784.414.346          |
| Trích quỹ phúc lợi            | 784.414.346          |
| Chi trả cổ tức                | 16.787.500.000       |

### **Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

| <b>Họ và tên</b> | <b>Chức vụ</b> | <b>Ngày bổ nhiệm</b> | <b>Ngày miễn nhiệm</b> |
|------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| Bà Trần Thị Đào  | Chủ tịch       | 19/02/2005           | -                      |

|                        |         |            |   |
|------------------------|---------|------------|---|
| Ông Nguyễn Quốc Định   | Ủy viên | 19/02/2005 | - |
| Ông Trần Thái Hoàng    | Ủy viên | 19/02/2005 | - |
| Bà Lưu Thị Hạnh        | Ủy viên | 19/02/2005 | - |
| Bà Nguyễn Kim Phương   | Ủy viên | 19/02/2005 | - |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Ủy viên | 19/02/2005 | - |
| Ông Hoàng Thọ Phồn     | Ủy viên | 19/02/2005 | - |

#### ***Ban kiểm soát***

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Đức Quảng | Trưởng ban | 19/02/2005    | -               |
| Bà Đỗ Thị Thanh Thúy | Phó ban    | 19/02/2005    | -               |
| Ông Nguyễn Văn Hoàng | Ủy viên    | 19/02/2005    | -               |

#### ***Ban Tổng Giám đốc***

| Họ và tên              | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|-------------------|---------------|-----------------|
| Bà Trần Thị Đào        | Tổng Giám đốc     | 19/02/2005    | -               |
| Ông Nguyễn Quốc Định   | Phó Tổng Giám đốc | 03/03/2005    | -               |
| Ông Trần Thái Hoàng    | Phó Tổng Giám đốc | 03/03/2005    | -               |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Phó Tổng Giám đốc | 31/10/2006    | -               |

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống kế toán Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

---

**CN. Nguyễn Quốc Định**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Tp.Cao Lãnh ngày 31 tháng 03 năm 2008*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   |  | Mã số     | Thuyết minh  | Năm nay                | Năm trước              |
|------------|--|-----------|--------------|------------------------|------------------------|
| 01.        | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 01        | VI.1         | 454.425.763.265        | 527.283.500.415        |
| 02.        | Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 03        | VI.1         | 2.823.450.708          | 1.877.480.946          |
| <b>03.</b> | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> | <b>VI.1</b>  | <b>451.602.312.557</b> | <b>525.406.019.469</b> |
| <b>04.</b> | <b>Giá vốn hàng bán</b>                                | <b>11</b> | <b>VI.2</b>  | <b>258.571.893.457</b> | <b>367.260.277.211</b> |
| <b>05.</b> | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |              | <b>193.030.419.100</b> | <b>158.145.742.258</b> |
| 06.        | Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | VI.3         | 6.895.217.248          | 1.429.541.935          |
| 07.        | Chi phí tài chính                                      | 22        | VI.4         | 2.268.692.518          | 3.757.066.201          |
| 08.        | Chi phí bán hàng                                       | 24        | VI.5         | 113.380.454.510        | 98.699.233.432         |
| 09.        | Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 25        | VI.6         | 21.929.910.261         | 12.813.109.076         |
| <b>10.</b> | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>30</b> |              | <b>62.346.579.059</b>  | <b>44.305.875.484</b>  |
| 11.        | Thu nhập khác  | 31        | VI.7         | 4.143.956.889          | 4.631.724.245          |
| 12.        | Chi phí khác   | 32        | VI.8         | 3.259.898.331          | 1.823.997.231          |
| 13.        | Lợi nhuận khác   | 40        |              | 884.058.558            | 2.807.727.014          |
| <b>14.</b> | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>50</b> |              | <b>63.230.637.617</b>  | <b>47.113.602.498</b>  |
| <b>15.</b> | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>    | <b>51</b> | <b>V.20</b>  | <b>8.498.807.977</b>   | <b>5.803.611.226</b>   |
| <b>16.</b> | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>     | <b>52</b> | <b>VI.9</b>  | <b>213.433.842</b>     | <b>(965.722.031)</b>   |
| <b>17.</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        | <b>60</b> |              | <b>54.518.395.798</b>  | <b>42.275.713.303</b>  |
| <b>18.</b> | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                        | <b>70</b> | <b>VI.10</b> | <b>5.951</b>           | <b>5.563</b>           |

 Trần Hoài Hạnh  
 Người lập biểu

 Lưu Thị Hạnh  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Quốc Định  
 Phó Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 6 tháng 03 năm 2008

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN     |   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A -</b>  | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                       | <b>100</b> |             | <b>469.910.000.190</b> | <b>260.420.047.551</b> |
| <b>I.</b>   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>     | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>49.244.207.080</b>  | <b>65.607.176.574</b>  |
| 1.          | Tiền  | 111        |             | 49.244.207.080         | 41.509.353.991         |
| 2.          | Các khoản tương đương tiền                    | 112        |             | -                      | 24.097.822.583         |
| <b>II.</b>  | <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>    | <b>120</b> |             | <b>155.294.846.770</b> | -                      |
| 1.          | Đầu tư ngắn hạn                               | 121        | V.2         | 156.097.746.770        | -                      |
| 2.          | Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129        |             | (802.900.000)          | -                      |
| <b>III.</b> | <b>Các khoản phải thu</b>                     | <b>130</b> |             | <b>115.466.736.734</b> | <b>56.766.743.946</b>  |
| 1.          | Phải thu của khách hàng                       | 131        | V.3         | 50.056.804.449         | 49.833.173.710         |
| 2.          | Trả trước cho người bán                       | 132        | V.4         | 63.364.172.136         | 6.259.254.430          |
| 3.          | Các khoản phải thu khác                       | 138        | V.5         | 2.279.238.444          | 925.304.382            |
| 4.          | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi           | 139        |             | (233.478.295)          | (250.988.576)          |
| <b>IV.</b>  | <b>Hàng tồn kho</b>                           | <b>140</b> |             | <b>138.949.578.813</b> | <b>129.764.501.303</b> |
| 1.          | Hàng tồn kho                                  | 141        | V.6         | 139.198.590.237        | 130.013.512.727        |
| 2.          | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                | 149        | V.6         | (249.011.424)          | (249.011.424)          |
| <b>V.</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                  | <b>150</b> |             | <b>10.954.630.793</b>  | <b>8.281.625.728</b>   |
| 1.          | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ           | 152        |             | 1.298.724.573          | 308.287.529            |
| 2.          | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước      | 154        | V.8         | 4.232.084              | -                      |
| 3.          | Tài sản ngắn hạn khác                         | 158        | V.9         | 9.651.674.136          | 7.973.338.199          |
| <b>B -</b>  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                        | <b>200</b> |             | <b>98.515.519.099</b>  | <b>44.250.488.363</b>  |
| <b>I.</b>   | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>             | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| <b>II.</b>  | <b>Tài sản cố định</b>                        | <b>210</b> |             | <b>44.361.783.185</b>  | <b>35.068.221.174</b>  |
| 1.          | Tài sản cố định hữu hình                      | 221        | V.10        | 40.497.644.714         | 31.069.052.232         |
|             | <i>Nguyên giá</i>                             | 222        |             | 111.305.770.685        | 91.467.362.743         |
|             | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 223        |             | (70.808.125.971)       | (60.398.310.511)       |
| 2.          | Tài sản cố định vô hình                       | 227        | V.11        | 703.339.888            | -                      |
|             | <i>Nguyên giá</i>                             | 228        |             | 744.712.823            | -                      |
|             | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 229        |             | (41.372.935)           | -                      |
| 3.          | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang               | 230        | V.12        | 3.160.798.583          | 3.999.168.942          |
| <b>III.</b> | <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>     | <b>250</b> |             | <b>23.068.524.700</b>  | <b>1.574.500.000</b>   |
| 1.          | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh       | 252        | V.13        | 14.470.996.700         | 182.000.000            |
| 2.          | Đầu tư dài hạn khác                           | 258        | V.14        | 8.597.528.000          | 1.392.500.000          |
| <b>IV.</b>  | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                   | <b>260</b> |             | <b>31.085.211.214</b>  | <b>7.607.767.189</b>   |
| 1.          | Chi phí trả trước dài hạn                     | 261        | V.15        | 30.332.923.025         | 6.642.045.158          |
| 2.          | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                | 262        | V.16        | 752.288.189            | 965.722.031            |
|             | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>568.425.519.289</b> | <b>304.670.535.914</b> |

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                  |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|----------------------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A -</b>                 | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>70.873.654.857</b>  | <b>70.494.879.299</b>  |
| <b>I.</b>                  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>70.172.222.064</b>  | <b>70.008.583.006</b>  |
| 1.                         | Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | V.17        | 4.000.000.000          | 4.051.816.145          |
| 2.                         | Phải trả người bán                         | 312        | V.18        | 38.219.463.910         | 30.919.971.803         |
| 3.                         | Người mua trả tiền trước                   | 313        | V.19        | 12.830.093.092         | 11.092.439.414         |
| 4.                         | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | V.20        | 5.137.701.185          | 4.852.393.722          |
| 5.                         | Phải trả người lao động                    | 315        | V.21        | 1.549.120.076          | 3.586.033.808          |
| 6.                         | Chi phí phải trả                           | 316        | V.22        | 7.522.881.897          | 9.657.220.309          |
| 7.                         | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | V.23        | 912.961.904            | 5.848.707.805          |
| <b>II.</b>                 | <b>Nợ dài hạn</b>                          | <b>320</b> |             | <b>701.432.793</b>     | <b>486.296.293</b>     |
| 1.                         | Phải trả dài hạn khác                      | 333        | V.24        | 140.000.000            | 105.000.000            |
| 2.                         | Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 336        | V.25        | 561.432.793            | 381.296.293            |
| <b>B -</b>                 | <b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                | <b>400</b> |             | <b>497.551.864.431</b> | <b>234.175.656.615</b> |
| <b>I.</b>                  | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> |             | <b>494.960.731.305</b> | <b>232.807.346.999</b> |
| 1.                         | Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        | V.26        | 116.598.200.000        | 84.000.000.000         |
| 2.                         | Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        | V.26        | 278.107.871.250        | 80.931.321.250         |
| 3.                         | Vốn khác của chủ sở hữu                    | 413        | V.26        | 2.313.198.514          | 1.936.631.314          |
| 4.                         | Quỹ đầu tư phát triển                      | 417        | V.26        | 36.239.720.547         | 19.112.486.185         |
| 5.                         | Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        | V.26        | 11.330.845.196         | 7.762.016.503          |
| 10.                        | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 420        | V.26        | 50.370.895.798         | 39.064.891.747         |
| <b>II.</b>                 | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>2.591.133.126</b>   | <b>1.368.309.616</b>   |
| 1.                         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 431        | V.27        | 2.037.253.126          | 1.368.309.616          |
| 2.                         | Nguồn kinh phí                             | 432        | V.28        | 553.880.000            | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |  | <b>440</b> |             | <b>568.425.519.288</b> | <b>304.670.535.914</b> |

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU               | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-------------|-------------|------------|
| 1. Nợ khó đòi đã xử lý |             | 17.510.281  | -          |
| 2. Ngoại tệ các loại:  |             |             |            |
| Dollar Mỹ (USD)        |             | 185.791,31  | 5.207,80   |
| Euro (EUR)             |             | 8.101,33    | 530,16     |

Trần Hoài Hạnh  
 Người lập biểu

Lưu Thị Hạnh  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Định  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Đồng Tháp, ngày 6 tháng 03 năm 2008



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2007

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước               |
|---|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                          |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>01</b> |             | <b>63.230.637.617</b>    | <b>47.113.602.525</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>   |           |             |                          |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 02        | VI.8,9      | 9.688.959.716            | 6.624.801.258           |
| - Các khoản dự phòng  | 03        |             | 785.389.719              | (143.400.615)           |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        |             | 3.509.421                | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05        |             | (5.350.162.748)          | (178.095.238)           |
| - Chi phí lãi vay   | 06        | VI.20       | 749.658.500              | 2.382.718.210           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>         | <b>08</b> |             | <b>69.107.992.225</b>    | <b>55.799.626.140</b>   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu   | 09        |             | (61.339.643.510)         | 22.099.240.952          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho   | 10        |             | (9.185.077.510)          | 14.259.112.553          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả   | 11        |             | 893.516.350              | (2.791.329.806)         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước  | 12        |             | (2.235.496.529)          | (2.351.531.759)         |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 13        |             | (749.658.500)            | (2.382.718.210)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 14        |             | (8.092.622.006)          | 4.549.529.912)          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | 15        |             | 553.880.000              | 372.180.000             |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh   | 16        |             | (5.288.241.773)          | (8.846.654.620)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>(16.335.351.253)</b>  | <b>71.608.395.338</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                          |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (17.679.924.353)         | (19.025.415.348)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | 121.000.000              | 178.095.238             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | (2.000.000.000)          |                         |
| 4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | (175.591.771.470)        | (551.000.000)           |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 5.229.162.748            | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(189.921.533.075)</b> | <b>(19.398.320.110)</b> |

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>             |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31        |             | 198.335.760.000         | 38.023.149.973          |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                        | 33        | V.17        | 56.500.000.000          | 52.037.526.571          |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay                                     | 34        | V.17        | (56.551.816.145)        | (126.130.123.965)       |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                     | 36        | V.26        | (8.400.000.000)         | (6.456.000.000)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> |             | <b>189.883.943.855</b>  | <b>(42.525.447.421)</b> |
|  | <b>50</b> |             |                         |                         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                         |           |             | <b>(16.372.940.473)</b> | <b>9.684.627.807</b>    |
|  | <b>60</b> | <b>VI.1</b> |                         |                         |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                        |           |             | <b>65.607.176.574</b>   | <b>55.922.548.767</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61        |             | 9.970.979               | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                       | <b>70</b> | <b>VI.1</b> | <b>49.244.207.080</b>   | <b>65.607.176.574</b>   |

Trần Hoài Hạnh  
 Người lập biểu

Lưu Thị Hạnh  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Định  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Đồng Tháp, ngày 6 tháng 03 năm 2008

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, nuôi trồng, dịch vụ, thương mại, đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc; Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người; Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nuôi trồng, chế biến và mua bán dược liệu; Kinh doanh ngành du lịch nghỉ dưỡng; Đầu tư tài chính; Kinh doanh bất động sản.

### 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 84 tỷ VND lên 116 tỷ VND để đầu tư cho các dự án: Xây dựng nhà máy Cephalosporin tại khu công nghiệp Việt Nam- Singapore, Bình Dương; Đầu tư vào Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười; hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm và nâng cấp thiết bị hiện đại cho các Nhà máy.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 31 tháng 10 năm 2007 đã thông qua việc phát hành 161.200 cổ phiếu để mua lại phần vốn Nhà nước tại Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười từ Tổng Công ty dược Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh việc đầu tư vào cổ phiếu và đầu tư mua 25,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần dược phẩm An Giang.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là năm tài chính thứ 07 của Công ty.

## **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng

từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10-25         |
| Máy móc và thiết bị             | 06-15         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06-10         |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03-08         |

## 6. Tài sản cố định vô hình

### *Bản quyền phần mềm máy tính*

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được quyền sử dụng hợp pháp các phần mềm máy tính. Bản quyền phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

## 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

## **9. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

### **9.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

#### ***Chi phí nghiên cứu sản phẩm***

Chi phí nghiên cứu sản phẩm mới tại Trung tâm dược liệu Đồng Tháp Mười được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

### **9.2. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### ***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại phát sinh là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng trong nghiệp vụ hợp nhất Trung tâm dược liệu Đồng Tháp Mười vào Công ty tại thời điểm 28/02/2007. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 6 năm.

## **10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

## **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



## 12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## 13. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tăng, biểu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

## 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20.% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty còn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là giảm 50% trong 2 năm do cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Năm tài chính 2001 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho

tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

|   |             |                |
|---|-------------|----------------|
| Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: | 31/12/2006: | 16.051 VND/USD |
|   | 31/12/2007: | 16.114 VND/USD |

#### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                            | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                   | 4.205.477.611                | 1.640.514.740                |
| Tiền gửi ngân hàng         | 45.038.729.469               | 39.868.839.251               |
| Các khoản tương đương tiền | -                            | 24.097.822.583               |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>49.244.207.080</u></b> | <b><u>65.607.176.574</u></b> |

### 2. Đầu tư ngắn hạn

|                                   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------|
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn       | 19.097.746.770                | -                 |
| - Cổ phiếu                        | 19.097.746.770                | -                 |
| - Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu | -                             | -                 |
| Đầu tư ngắn hạn khác              | 137.000.000.000               | -                 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn              | 135.000.000.000               | -                 |
| - Đầu tư ngắn hạn khác            | 2.000.000.000                 | -                 |
| <b>Cộng</b>                       | <b><u>156.097.746.770</u></b> | <b><u>-</u></b>   |

### 3. Phải thu của khách hàng

|                       | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Khách hàng nước ngoài | 1.793.933.005                | 2.651.249.092                |
| Khách hàng trong nước | 48.262.871.444               | 47.181.924.618               |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>50.056.804.449</u></b> | <b><u>49.833.173.710</u></b> |

### 4. Trả trước cho người bán

|                         | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|-------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Nhà cung cấp nước ngoài | 38.717.914                   | 1.701.176.966               |
| Nhà cung cấp trong nước | 63.325.454.222               | 4.558.077.464               |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>63.364.172.136</u></b> | <b><u>6.259.254.430</u></b> |

### 5. Các khoản phải thu khác

|                                | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>         |
|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 42.305.111                  | 23.584.654                |
| Nguyễn Đình Hiếu               | 262.000.000                 | 262.000.000               |
| Ban quản lý dự án Tỉnh ủy      | -                           | 56.700.000                |
| Đài truyền hình Bình Dương     | -                           | 39.000.000                |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn  | 1.558.933.333               | -                         |
| Phải thu khác                  | 416.000.000                 | 544.019.728               |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>2.279.238.444</u></b> | <b><u>925.304.382</u></b> |

## 6. Hàng tồn kho

|                                      | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường          | -                             | 421.262.624                   |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 72.771.446.182                | 75.096.133.412                |
| Công cụ, dụng cụ                     | 140.997.279                   | -                             |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 10.848.869.619                | 7.863.213.915                 |
| Thành phẩm                           | 48.565.967.716                | 38.918.201.774                |
| Hàng hóa                             | 6.288.235.162                 | 6.813.855.012                 |
| Hàng gửi đi bán                      | 583.074.279                   | 900.845.990                   |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>139.198.590.237</u></b> | <b><u>130.013.512.727</u></b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá Nguyên vật liệu tồn kho như sau:

|                    | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>         |
|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm         | 249.011.424               | 643.400.615               |
| Trích lập dự phòng | -                         | 249.011.424               |
| Hoàn nhập dự phòng | -                         | -                         |
| Xuất huỷ trong năm | -                         | (643.400.615)             |
| <b>Số cuối năm</b> | <b><u>249.011.424</u></b> | <b><u>249.011.424</u></b> |

## 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                       |                 |
|---------------------------------------|-----------------|
| Số đầu năm                            | -               |
| Tăng trong năm                        | 682.788.543     |
| Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | (670.236.813)   |
| Kết chuyển giảm khác                  | (12.551.730)    |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>-</u></b> |

## 8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

|   | <u>Số cuối năm</u>      | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------|-------------------|
| Thuế môn bài nộp thừa                       | 1.000.000               | -                 |
| Thuế nhà thầu nộp thừa (Hoa hồng bản quyền) | 3.232.084               | -                 |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b><u>4.232.084</u></b> | <b><u>-</u></b>   |

## 9. Tài sản ngắn hạn khác

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng                                    | 4.495.042.621               | 3.512.372.143               |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 5.156.631.515               | 4.460.966.056               |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>9.651.674.136</u></b> | <b><u>7.973.338.199</u></b> |

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|  | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị   | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng                   |
|--|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                      |                        |                       |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm   | 29.752.061.465         | 51.124.773.493        | 7.493.690.729                   | 1.573.341.295             | 1.523.495.761        | 91.467.362.743         |
| Mua sắm mới  | 1.372.306.217          | 10.086.923.813        | 883.000.531                     | 213.684.682               | 92.651.136           | 12.648.566.379         |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành                      | 4.191.318.364          | -                     | 933.697.146                     |                           |                      | 5.125.015.510          |
| Tăng tài sản của Trung tâm dược liệu Đồng Tháp Mười    | 1.897.691.450          | 531.600.471           | 73.490.000                      | 47.491.545                | -                    | 2.550.273.466          |
| Thanh lý, nhượng bán                                   | -                      | (485.447.413)         | -                               | -                         | -                    | (485.447.413)          |
| Phân loại lại  | (309.526.198)          | (744.211.069)         | (56.056.536)                    | 738.901.556               | 370.892.247          | -                      |
| <b>Số cuối năm</b>                                     | <b>36.903.851.298</b>  | <b>60.513.639.295</b> | <b>9.327.821.870</b>            | <b>2.573.419.078</b>      | <b>1.987.039.144</b> | <b>111.305.770.685</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                       | -                      | -                     | -                               | -                         | -                    | -                      |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng                  | 11.759.597.172         | 26.275.910.277        | 886.366.094                     | 588.362.223               | 585.536.242          | 40.095.772.008         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                                 |                        |                       |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm   | 19.343.422.225         | 35.700.561.226        | 3.232.296.210                   | 966.420.951               | 1.155.609.899        | 60.398.310.511         |
| Khấu hao trong năm                                     | 3.072.443.499          | 5.045.586.829         | 1.061.428.146                   | 242.261.139               | 225.867.168          | 9.647.586.781          |
| Tăng khác  | -                      | 15.781.338            | -                               | -                         | -                    | 15.781.338             |
| Hao mòn tài sản của Trung tâm dược liệu Đồng Tháp Mười | 925.759.666            | 225.164.712           | 55.093.667                      | 25.876.709                | -                    | 1.231.894.754          |
| Thanh lý, nhượng bán                                   | -                      | (485.447.413)         | -                               | -                         | -                    | (485.447.413)          |
| <b>Số cuối năm</b>                                     | <b>23.341.625.390</b>  | <b>40.501.646.692</b> | <b>4.348.818.023</b>            | <b>1.234.558.799</b>      | <b>1.381.477.067</b> | <b>70.808.125.971</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                 |                        |                       |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm   | 10.408.639.240         | 15.424.212.267        | 4.261.394.519                   | 606.920.344               | 367.885.862          | 31.069.052.232         |
| <b>Số cuối năm</b>                                     | <b>13.562.225.908</b>  | <b>20.011.992.603</b> | <b>4.979.003.847</b>            | <b>1.338.860.279</b>      | <b>605.562.077</b>   | <b>40.497.644.714</b>  |

## 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

|                    | Bản quyền phần mềm máy tính |
|--------------------|-----------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                             |
| Số đầu năm         | -                           |
| Tăng trong năm     | 744.712.823                 |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>744.712.823</b>          |

**Bản quyền phần  
mềm máy tính**

|                        |                    |
|------------------------|--------------------|
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                    |
| Số đầu năm             | -                  |
| Khấu hao trong năm     | 41.372.935         |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>41.372.935</b>  |
| <br>                   |                    |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                    |
| Số đầu năm             | -                  |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>703.339.888</b> |

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|   | Số đầu năm           | Chi phí phát<br>sinh trong<br>năm | Kết chuyển vào<br>TSCĐ trong<br>năm | Kết chuyển<br>giảm khác | Số cuối năm          |
|---|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|----------------------|
| Mua sắm TSCĐ  | 3.717.868.397        | 1.608.063.510                     | (5.125.015.510)                     | -                       | 200.916.397          |
| XDCB dở dang  | 281.300.545          | 4.003.131.907                     | (1.272.306.217)                     | (52.244.049)            | 2.959.882.186        |
| - Công trình nhà máy<br>sữa bột Imexpharm                       | -                    | 131.627.490                       | (131.627.490)                       | -                       | -                    |
| - Công trình nhà nghỉ<br>cán bộ công nhân viên<br>- Chi nhánh 2 | 281.300.545          | 859.378.182                       | (1.140.678.727)                     | -                       | -                    |
| - Công trình Nhà máy<br>Cephalosporin tại<br>Bình Dương         | -                    | 45.445.455                        | -                                   | -                       | 45.445.455           |
| - Công trình Trung tâm<br>dược liệu Đồng Tháp<br>Mười           | -                    | 478.180.238                       | -                                   | (52.244.049)            | 425.936.189          |
| - Công trình Chi nhánh<br>Đồng Bằng Sông Cửu<br>Long            | -                    | 575.910.546                       | -                                   | -                       | 575.910.546          |
| - Công trình nhà kho<br>Bình Chánh                              | -                    | 100.000.000                       | -                                   | -                       | 100.000.000          |
| - Công trình nâng cấp -<br>Chi nhánh 1                          | -                    | 1.812.589.996                     | -                                   | -                       | 1.812.589.996        |
| Sửa chữa lớn TSCĐ   | -                    | -                                 | -                                   | -                       | -                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.999.168.942</b> | <b>5.611.195.417</b>              | <b>(6.397.321.727)</b>              | <b>(52.244.049)</b>     | <b>3.160.798.583</b> |

**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

|   |                             |                   |
|---|-----------------------------|-------------------|
| <b>Tên công ty liên kết, liên doanh</b> | <b>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</b> | <b>Vốn đầu tư</b> |
|---|-----------------------------|-------------------|

|                                    | Theo giấy phép | Thực góp |                       |
|------------------------------------|----------------|----------|-----------------------|
| Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại     | 26%            | 26%      | 182.000.000           |
| Công ty cổ phần dược phẩm An Giang | 25,50%         | 25,50%   | 14.288.996.700        |
| <b>Cộng</b>                        |                |          | <b>14.470.996.700</b> |

#### 14. Đầu tư dài hạn khác

|                                      | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Đầu tư cổ phiếu                      | 8.147.028.000        | 942.000.000          |
| Đầu tư trái phiếu                    | 250.000.000          | 250.000.000          |
| Đầu tư tín phiếu, công trái giáo dục | 200.500.000          | 200.500.000          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>8.597.528.000</b> | <b>1.392.500.000</b> |

#### 15. Chi phí trả trước dài hạn

|                    | Số đầu năm           | Tăng trong năm        | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm           |
|--------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền thuê đất      | 6.642.045.158        | 5.945.089.578         | (162.814.446)                         | -                    | 12.424.320.290        |
| Lợi thế thương mại | -                    | 21.490.323.282        | (3.581.720.547)                       | -                    | 17.908.602.735        |
| <b>Cộng</b>        | <b>6.642.045.158</b> | <b>27.435.412.860</b> | <b>(3.744.534.993)</b>                | <b>-</b>             | <b>30.332.923.025</b> |

#### 16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|                             |                    |
|-----------------------------|--------------------|
| Số đầu năm                  | 965.722.031        |
| Phát sinh trong năm         | 612.288.189        |
| Hoàn nhập trong năm         | (825.722.031)      |
| Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu | -                  |
| <b>Số cuối năm</b>          | <b>752.288.189</b> |

#### 17. Vay và nợ ngắn hạn

Số cuối năm

Số đầu năm



|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Vay ngắn hạn Ngân hàng                                  | -                           | -                           |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác <sup>(a)</sup> | 4.000.000.000               | 3.500.000.000               |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                 | -                           | 551.816.145                 |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>4.000.000.000</u></b> | <b><u>4.051.816.145</u></b> |

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ban tổ chức Tỉnh uỷ Đồng Tháp. Theo hợp đồng vay số 06 ngày 01 tháng 8 năm 2007 để bổ sung vốn lưu động.

- Thời hạn vay: 12 tháng
- Lãi suất: 0,9%/ tháng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

|  | <u>Số đầu năm</u>           | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số kết chuyển</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>          |
|--|-----------------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------------|
| Vay ngắn hạn Ngân hàng                   |                             | - 56.000.000.000                       |                      | - (56.000.000.000)                  | -                           |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 3.500.000.000               | 500.000.000                            |                      |                                     | - 4.000.000.000             |
| Vay dài hạn đến hạn trả                  | 551.816.145                 |  |                      | - (551.816.145)                     | -                           |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>4.051.816.145</u></b> | <b><u>56.500.000.000</u></b>           |                      | <b><u>- (56.551.816.145)</u></b>    | <b><u>4.000.000.000</u></b> |

#### 18. Phải trả cho người bán

|                         | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Nhà cung cấp nước ngoài | 33.771.936.840               | 27.093.971.533               |
| Nhà cung cấp trong nước | 4.447.527.070                | 3.826.000.270                |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>38.219.463.910</u></b> | <b><u>30.919.971.803</u></b> |

#### 19. Người mua trả tiền trước

|                       | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Khách hàng nước ngoài | 51.175.431                   | -                            |
| Khách hàng trong nước | 12.778.917.661               | 11.092.439.414               |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>12.830.093.092</u></b> | <b><u>11.092.439.414</u></b> |

#### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | <u>Số đầu năm</u>           | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u>     | <u>Số cuối năm</u>          |
|--|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | 506.548.883                 | 1.447.270.744                | (1.945.830.930)                | 7.988.697                   |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu                         | -                           | 12.026.283.502               | (12.026.283.502)               | -                           |
| Thuế xuất, nhập khẩu                             | -                           | 4.711.300.502                | (4.711.300.502)                | -                           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)                  | 4.060.650.654               | 8.707.254.515                | (8.092.622.006)                | 4.675.283.163               |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | -                           | -                            | -                              | -                           |
| Thuế môn bài (*)                                 | -                           | 17.000.000                   | (18.000.000)                   | (1.000.000)                 |
| Thuế nhà thầu (Hoa hồng bản quyền) (*)           | -                           | 313.454.600                  | (316.686.684)                  | (3.232.084)                 |
| Các loại thuế khác                               | 285.194.185                 | 4.367.810.821                | (4.198.575.681)                | 454.429.325                 |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                           | -                            | -                              | -                           |
| <b>Cộng</b>                                      | <b><u>4.852.393.722</u></b> | <b><u>31.590.374.684</u></b> | <b><u>(31.309.299.305)</u></b> | <b><u>5.133.469.101</u></b> |

(\*) Thuế môn bài và thuế nhà thầu (hoa hồng bản quyền) nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.8).

(\*\*) Trong đó, Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Trung tâm dược liệu Đồng Tháp Mười là 208.446.538 VND.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Dược phẩm 5%
- Dược liệu 10%

#### ***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh V.14.

|                                   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|----------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 63.230.637.617 | 47.113.602.498   |

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

|  |                                    |                                    |
|--|------------------------------------|------------------------------------|
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 23.373.234.121                     | 9.999.104.504                      |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | <u>(539.885.688)</u>               | <u>(152.501.027)</u>               |
| Tổng thu nhập chịu thuế  | 86.063.986.050                     | 56.960.205.975                     |
| - Hoạt động sản xuất   | 86.063.986.050                     | 54.270.440.261                     |
| - Hoạt động khác   | -                                  | 2.689.765.714                      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp   |                                    |                                    |
| - Hoạt động sản xuất (Thuế suất 20%)                                   | 17.212.797.210                     | 10.854.088.052                     |
| - Hoạt động khác (Thuế suất 28%)                                       | -                                  | 376.567.200                        |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>                     | <u><b>17.212.797.210</b></u>       | <u><b>11.230.655.252</b></u>       |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>                            | <u><b>(8.606.398.605)</b></u>      | <u><b>(5.427.044.026)</b></u>      |
| <b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b> | <u><b>(107.590.628)</b></u>        | <u><b>-</b></u>                    |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>               | <u><u><b>8.498.807.977</b></u></u> | <u><u><b>5.803.611.226</b></u></u> |

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### **21. Phải trả công nhân viên**

Quỹ lương được xác định theo Quyết định số 14/QĐ-IMEX ngày 10/07/2007 của Hội đồng Quản trị về việc xác định đơn giá tiền lương năm 2007 như sau :

- Khối kinh doanh là 1%/ Doanh thu.
- Khối sản xuất là 9,5%/ Doanh thu.

Số dư cuối năm là quỹ lương chưa chi hết.

#### **22. Chi phí phải trả**

|                               | <u>Số cuối năm</u>                 | <u>Số đầu năm</u>                  |
|-------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| Phí bản quyền                 | 1.337.013.764                      | 1.956.606.344                      |
| Chi phí quảng cáo, khuyến mãi | 4.285.868.133                      | 5.969.680.238                      |
| Chi phí phải trả khác         | 1.900.000.000                      | 1.730.933.727                      |
| <b>Cộng</b>                   | <u><u><b>7.522.881.897</b></u></u> | <u><u><b>9.657.220.309</b></u></u> |

#### **23. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

|                            | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|--------------------|-------------------|
| Kinh phí công đoàn         | 378.896.085        | 450.931.632       |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | -                  | 4.950.000.000     |

|                                   |                    |                      |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền bảo hành                     | 428.803.496        | -                    |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 105.262.323        | 447.776.173          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>912.961.904</b> | <b>5.848.707.805</b> |

**24. Phải trả dài hạn khác**

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn của các hiệu thuốc.

**25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

|                        | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm             | 381.296.293        | 221.071.645        |
| Số trích lập trong năm | 259.621.080        | 184.526.523        |
| Số chi trong năm       | (79.484.580)       | (24.301.875)       |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>561.432.793</b> | <b>381.296.293</b> |

**26. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|  | Vốn góp                | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Vốn khác<br>của CSH  | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ dự<br>phòng TC    | LNST chưa<br>phân phối | Cộng                   |
|--|------------------------|-------------------------|----------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Số dư đầu năm<br/>trước</b>                           | 64.000.000.000         | 51.650.000.000          | -                    | 28.371.133.263           | 5.304.813.583         | 16.426.040.194         | 165.751.987.040        |
| Tăng vốn năm trước                                       | 20.000.000.000         | -                       | 1.936.631.314        | -                        | -                     | (1.936.631.314)        | 20.000.000.000         |
| Thặng dư tăng do<br>phát hành                            | -                      | 32.023.150.000          | -                    | -                        | -                     | -                      | 32.023.150.000         |
| Chi phí tư vấn phát<br>hành                              | -                      | (2.741.828.750)         | -                    | -                        | -                     | -                      | (2.741.828.750)        |
| Lợi nhuận tăng trong<br>năm trước                        | -                      | -                       | -                    | -                        | -                     | 42.275.713.303         | 42.275.713.303         |
| Chia cổ tức năm<br>trước                                 | -                      | -                       | -                    | -                        | -                     | (6.456.000.000)        | (6.456.000.000)        |
| Trích lập các quỹ  | -                      | -                       | -                    | 4.741.352.922            | 2.457.202.920         | (9.612.961.682)        | (2.414.405.840)        |
| Phát hành cổ phiếu<br>thường                             | -                      | -                       | -                    | (14.000.000.000)         | -                     | -                      | (14.000.000.000)       |
| Chi thù lao Hội<br>Đồng Quản Trị                         | -                      | -                       | -                    | -                        | -                     | (125.000.000)          | (125.000.000)          |
| Chi khác   | -                      | -                       | -                    | -                        | -                     | (1.506.268.754)        | (1.506.268.754)        |
| <b>Số dư cuối năm<br/>trước</b>                          | <b>84.000.000.000</b>  | <b>80.931.321.250</b>   | <b>1.936.631.314</b> | <b>19.112.486.185</b>    | <b>7.762.016.503</b>  | <b>39.064.891.747</b>  | <b>232.807.346.999</b> |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>                                 | <b>84.000.000.000</b>  | <b>80.931.321.250</b>   | <b>1.936.631.314</b> | <b>19.112.486.185</b>    | <b>7.762.016.503</b>  | <b>39.064.891.747</b>  | <b>232.807.346.999</b> |
| Tăng vốn năm nay   | 24.210.700.000         | -                       | -                    | -                        | -                     | -                      | 24.210.700.000         |
| Thặng dư tăng do<br>phát hành                            | -                      | 175.736.950.000         | -                    | -                        | -                     | -                      | 175.736.950.000        |
| Thặng dư tăng do<br>phát sinh lợi thế<br>thương mại      | -                      | 21.439.600.000          | -                    | -                        | -                     | -                      | 21.439.600.000         |
| Lợi nhuận tăng trong<br>năm                              | -                      | -                       | -                    | -                        | -                     | 54.518.495.798         | 54.518.495.798         |
| Chia cổ tức năm<br>2006 bằng cổ phiếu                    | 8.387.500.000          | -                       | -                    | -                        | -                     | (8.387.500.000)        | -                      |
| Chia cổ tức bằng<br>tiền                                 | -                      | -                       | -                    | -                        | -                     | (8.400.000.000)        | (8.400.000.000)        |
| Trích lập các quỹ  | -                      | -                       | -                    | 17.127.234.362           | 3.568.828.693         | (26.264.891.747)       | (5.568.828.692)        |
| Điều chỉnh tăng vốn<br>khác chủ sở hữu do<br>ưu đãi thuế | -                      | -                       | 376.567.200          | -                        | -                     | -                      | 376.567.200            |
| Chi thù lao Hội<br>Đồng Quản Trị                         | -                      | -                       | -                    | -                        | -                     | (160.000.000)          | (160.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                                | <b>116.598.200.000</b> | <b>278.107.871.250</b>  | <b>2.313.198.514</b> | <b>36.239.720.547</b>    | <b>11.330.845.196</b> | <b>50.370.995.798</b>  | <b>494.960.731.305</b> |

### **Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

|                        |                              |
|------------------------|------------------------------|
| Cổ tức năm trước       | 16.787.500.000               |
| Tạm ứng cổ tức năm nay | -                            |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>16.787.500.000</u></b> |

### **Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Cổ phiếu**

|  | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 11.659.820        | 8.400.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.659.820        | 8.400.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | <i>11.659.820</i> | <i>8.400.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                 | -                |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                 | -                |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | -                 | -                |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                 | -                |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 11.659.820        | 8.400.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | <i>11.659.820</i> | <i>8.400.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                 | -                |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

## **27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|          | <b>Tăng do trích lập từ lợi</b> |               |                  | <b>Chi quỹ trong năm</b> | <b>Số cuối năm</b> |
|----------|---------------------------------|---------------|------------------|--------------------------|--------------------|
|          | <b>Số đầu năm</b>               | <b>nhuận</b>  | <b>Tăng khác</b> |                          |                    |
| Quỹ khen | 1.196.634.992                   | 2.784.414.346 | 114.178.296      | (2.933.205.654)          | 1.162.021.980      |

|              |                      |                      |                    |                        |                      |
|--------------|----------------------|----------------------|--------------------|------------------------|----------------------|
| thường       |                      |                      |                    |                        |                      |
| Quỹ phúc lợi | 171.674.624          | 2.784.414.346        | 114.178.295        | (2.195.036.119)        | 875.231.146          |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.368.309.616</b> | <b>5.568.828.692</b> | <b>228.356.591</b> | <b>(5.128.241.773)</b> | <b>2.037.253.126</b> |

## 28. Nguồn kinh phí

|                                   |                    |
|-----------------------------------|--------------------|
| Số đầu năm                        | -                  |
| Nguồn kinh phí được cấp trong năm | 560.000.000        |
| Chi sự nghiệp                     | (6.120.000)        |
| <b>Số cuối năm</b>                | <b>553.880.000</b> |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                    | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu                     | 454.425.763.265               | 527.283.500.415               |
| <i>Doanh thu hàng sản xuất</i>     | <i>301.321.081.935</i>        | <i>369.033.452.837</i>        |
| <i>Doanh thu hàng nhượng quyền</i> | <i>123.366.145.263</i>        | <i>122.567.360.711</i>        |
| <i>Doanh thu hàng nhập khẩu</i>    | <i>16.055.163.006</i>         | <i>20.885.665.474</i>         |
| <i>Doanh thu hàng xuất khẩu</i>    | <i>5.106.207.109</i>          | <i>3.274.459.741</i>          |
| <i>Doanh thu hoạt động khác</i>    | <i>8.577.165.952</i>          | <i>11.522.561.652</i>         |
| Các khoản giảm trừ doanh thu:      | (2.823.450.708)               | (1.877.480.946)               |
| <i>Chiết khấu thương mại</i>       | <i>(143.007.633)</i>          | -                             |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i>         | <i>(2.492.464.164)</i>        | <i>(1.877.480.946)</i>        |
| <i>Giảm giá hàng bán</i>           | <i>(187.978.911)</i>          | -                             |
| <b>Doanh thu thuần</b>             | <b><u>451.602.312.557</u></b> | <b><u>525.406.019.469</u></b> |

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn hàng sản xuất          | 143.938.867.950               | 244.515.636.547               |
| Giá vốn hàng nhượng quyền      | 87.831.411.281                | 89.433.415.919                |
| Giá vốn hàng nhập khẩu         | 14.238.191.953                | 20.330.952.013                |
| Giá vốn hàng xuất khẩu         | 2.977.229.343                 | 1.571.545.890                 |
| Giá vốn khác                   | 9.586.192.930                 | 11.159.715.418                |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | -                             | 249.011.424                   |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>258.571.893.457</u></b> | <b><u>367.260.277.211</u></b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
|--|----------------|------------------|



|                                      |                             |                             |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi                         | 825.112.792                 | 801.615.004                 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn               | 2.895.084.911               | -                           |
| Lãi tiền cho vay                     | 183.786.290                 | -                           |
| Lãi đầu tư chứng khoán               | 1.890.912.770               | -                           |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia          | 259.378.777                 | 85.369.999                  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 280.506.911                 | -                           |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 560.275.098                 | 314.113.270                 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác   | 159.699                     | 228.443.662                 |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>6.895.217.248</u></b> | <b><u>1.429.541.935</u></b> |

#### 4. Chi phí tài chính

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay                                      | 749.658.500                 | 2.382.718.210               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                  | 284.016.332                 | -                           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                    | 299.965.804                 | 1.291.767.881               |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 802.900.000                 | -                           |
| Chi phí hoạt động tài chính khác                     | 132.151.882                 | 82.580.110                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>2.268.692.518</u></b> | <b><u>3.757.066.201</u></b> |

#### 5. Chi phí bán hàng

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.272.858.883                 | 1.150.893.562                |
| Chi phí nhân công                | 21.515.959.363                | 16.178.002.595               |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.706.572.459                 | 1.986.332.777                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 71.803.974.278                | 67.179.950.042               |
| Chi phí khác                     | 16.081.089.527                | 12.204.054.456               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>113.380.454.510</u></b> | <b><u>98.699.233.432</u></b> |

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 441.795.516                  | 424.126.051                  |
| Chi phí nhân công                | 7.582.536.165                | 4.124.053.737                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.028.470.977                | 758.155.557                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 556.523.025                  | 755.620.296                  |
| Chi phí khác                     | 12.320.584.578               | 6.751.153.435                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>21.929.910.261</u></b> | <b><u>12.813.109.076</u></b> |

#### 7. Thu nhập khác

|                               | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|----------------|------------------|
| Thu nhập do giảm giá hàng mua | 2.461.577.012  | 1.290.936.707    |
| Xử lý hàng thừa trong kiểm kê | 123.852.233    | 63.710.357       |

|                                  |                      |                      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thu nhượng bán, thanh lý tài sản | 121.000.000          | 178.095.238          |
| Thu tiền thuê đất được tài trợ   | -                    | 2.689.765.714        |
| Thu bán phế liệu, công cụ        | 121.798.334          | 254.349.516          |
| Thu bồi thường vi phạm hợp đồng  | 225.431.066          | -                    |
| Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư       | 124.822.000          | -                    |
| Các khoản thu nhập khác          | 965.476.244          | 154.866.713          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>4.143.956.889</b> | <b>4.631.724.245</b> |

#### 8. Chi phí khác

|                                       | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Xuất hàng thanh lý do quá hạn sử dụng | 1.597.585.321        | 1.627.819.993        |
| Xử lý hàng thiếu trong kiểm kê        | 84.746.984           | 146.378.887          |
| Các khoản chi phí khác                | 1.577.566.026        | 49.798.351           |
| <b>Cộng</b>                           | <b>3.259.898.331</b> | <b>1.823.997.231</b> |

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Số tiền</u>         |
|----------------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 218.219.889.254        |
| Chi phí nhân công                | 43.282.417.258         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.688.959.716          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 78.379.207.860         |
| Chi phí khác                     | 33.461.930.534         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>383.032.404.622</b> |

#### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

|   | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>     |
|---|--------------------|----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ  | 825.722.031        | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng          | -                  | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng           | -                  | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | (612.288.189)      | (965.722.031)        |
| <b>Cộng</b>   | <b>213.433.842</b> | <b>(965.722.031)</b> |

## 11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|  | <u>Năm nay</u>      | <u>Năm trước</u>    |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 54.518.395.798      | 42.275.713.303      |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                     |                     |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  | 54.518.395.798      | 42.275.713.303      |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm   | 9.160.923           | 7.600.000           |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b><u>5.951</u></b> | <b><u>5.563</u></b> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>          | <u>Năm trước</u>        |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                             | 8.400.000               | 6.400.000               |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại                             | -                       | -                       |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 03 năm 2006 | -                       | 600.000                 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 07 năm 2006 | -                       | 1.400.000               |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21 tháng 05 năm 2007 | 838.750                 | -                       |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2007 | 2.421.070               | -                       |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>          | <b><u>9.160.923</u></b> | <b><u>7.600.000</u></b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|                           | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương, thu nhập khác | 2.987.165.135               | 1.747.590.508               |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>2.987.165.135</u></b> | <b><u>1.747.590.508</u></b> |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u>               | <u>Mối quan hệ</u>      |
|------------------------------------|-------------------------|
| Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại     | Đầu tư góp vốn 26%      |
| Công ty cổ phần dược phẩm An Giang | Chiếm 25,5% vốn điều lệ |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại</b>     |                |                  |
| Bán sản phẩm                              | 43.191.073.073 | 46.658.319.097   |
| Thu tiền, bù trừ công nợ                  | 35.723.223.895 | 47.819.708.339   |
| Mua hàng                                  | 1.376.264.043  |                  |
| Bù trừ công nợ                            | 1.286.669.888  |                  |
| <b>Công ty cổ phần dược phẩm An Giang</b> |                |                  |
| Chuyển tiền đầu tư góp vốn                | 14.470.996.700 |                  |
| Mua hàng                                  | 70.656.065     |                  |
| Thanh toán                                | 70.656.065     |                  |
| Bán sản phẩm                              | 4.852.694.482  |                  |
| Thu tiền hàng                             | 4.845.739.484  |                  |

Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| <b>Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại</b>     |                             |                           |
| Phải thu tiền hàng                        | 7.467.849.178               | -                         |
| <b>Công ty cổ phần dược phẩm An Giang</b> |                             |                           |
| Phải thu tiền hàng                        | 774.678.675                 | 767.723.677               |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                   | <b><u>8.242.527.853</u></b> | <b><u>767.723.677</u></b> |
| <b>Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại</b>     |                             |                           |
| Phải trả tiền mua hàng                    | 89.594.155                  | -                         |
| <b>Cộng nợ phải trả</b>                   | <b><u>89.594.155</u></b>    |                           |

**2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

| <u>Chỉ tiêu</u>                           | <u>ĐVT</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------|----------------|------------------|
| <b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b> |            |                |                  |
| <b>Cơ cấu tài sản</b>                     |            |                |                  |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản          | %          | 82,67          | 85,48            |
| Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản           | %          | 17,33          | 14,52            |
| <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                   |            |                |                  |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                | %          | 12,47          | 23,14            |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn       | %          | 87,53          | 76,86            |

| <b>Chỉ tiêu</b>                                       | <b>ĐVT</b> | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|---|------------|----------------|------------------|
| <b>Khả năng thanh toán</b>                            |            |                |                  |
| Khả năng thanh toán hiện hành                         | Lần        | 8,02           | 4,32             |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn                       | Lần        | 6,70           | 3,72             |
| Khả năng thanh toán nhanh                             | Lần        | 2,91           | 0,94             |
| <b>Tỷ suất sinh lời</b>                               |            |                |                  |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>               |            |                |                  |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần     | %          | 14,00          | 8,97             |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần       | %          | 12,07          | 8,05             |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>            |            |                |                  |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản        | %          | 11,12          | 15,46            |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản          | %          | 9,59           | 13,88            |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b> | %          | 11,01          | 18,16            |

\_\_\_\_\_  
**Trần Hoài Hạnh**  
 Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Lưu Thị Hạnh**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Quốc Định**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Đồng Tháp, ngày 6 tháng 3 năm 2008

## **PHẦN IV:                    BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH    VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

### **I.    Kiểm toán độc lập**

Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

**Ý kiến của Kiểm toán độc lập**

Số: 0302/2008/BCTC-KTTV

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**

#### **Kính gửi:      HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 06 tháng 03 năm 2008, trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

#### **Cơ sở ý kiến**

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán của Việt nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007

Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

---

**Lý Quốc Trung – Phó Tổng Giám đốc**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099 /KTV*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2008

---

**Võ Thành Công - Kiểm toán viên**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1033/KTV*

## **II. Kiểm toán nội bộ:**

Kiểm toán nội bộ thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2007, đồng thời có một số ý kiến và nhận xét sau:

1. Năm 2007 là năm cực kỳ khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu nhằm bù đắp khoản doanh thu hàng chương trình quốc gia 2006 mặt hàng Osel. Ngoài điều kiện khó khăn trên tình hình lạm phát, giá cả tăng hàng loạt như nguyên vật liệu nhập khẩu, nhiên liệu, dịch vụ... làm ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất, chi phí bán hàng cũng như chi phí quản lý. Tuy nhiên với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành nên công ty cũng đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng cao.
2. Về tài chính: Năm 2007 công ty đạt được kết quả mỹ mãn trong đợt phát hành 2.412.200 cổ phiếu vào quý 4 năm 2007, thu được vốn thặng dư 197 tỷ làm tiền đề cho công ty có đủ nguồn tài chính để thực hiện các dự án đầu tư lớn trong chiến lược kinh doanh sắp tới, nhưng cũng là áp lực lớn của công ty trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả cao.



Trong tương lai đề nghị Ban điều hành nên xem xét hiệu quả của việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc sử dụng nợ vay ngân hàng khi huy động vốn cho sản xuất kinh doanh mang tính hiệu quả hơn.

### 3. Quản lý:

Việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu cải tiến mô hình quản lý, quan hệ công việc giữa các bộ phận trong công ty và chương trình hạch toán, báo cáo kế toán, thống kê đáp ứng cho Ban điều hành có hướng chỉ đạo kịp thời tạo cho toàn công ty một phong cách làm việc tốt hơn.

Công tác kế toán đã đi vào ổn định với chương trình quản lý mới thống nhất từ công ty đến các đơn vị phụ thuộc, quản lý công nợ tốt hơn. Việc đối chiếu nợ đầy đủ nhưng chưa kịp thời. Ban điều hành cần quan tâm nhiều hơn nữa đối với nợ chậm trả.

Việc thực hiện các chính sách bán hàng của công ty ban hành tại các đơn vị trực thuộc nhìn chung tương đối tốt. Qua kiểm tra thực tế một số ít thực hiện sai đều được xử lý kịp thời.

Quản lý kho vật tư, hàng hóa tại công ty và các đơn vị trực thuộc tốt hơn nhưng dự trữ tồn kho vẫn còn cao (kể cả tại văn phòng công ty và các đơn vị trực thuộc). Đề nghị Ban điều hành nên xem xét lại việc dự trữ tồn kho nhằm đem lại hiệu quả cao hơn trong sử dụng vốn.

Trong năm qua Ban điều hành đã xem xét bố trí sắp xếp lại lực lượng lao động theo chuyên ngành phù hợp hơn đối với bộ phận quản lý, phần nào đáp ứng được tốc độ phát triển của công ty. Công việc này nếu không đáp ứng kịp thời quản lý sẽ không theo kịp đà phát triển và gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn tới. Nhưng đối với nhân sự làm công tác kế toán tại các chi nhánh trực thuộc thì chưa xem xét đến. Đề nghị Ban điều hành quan tâm đến vấn đề này hơn để đáp ứng yêu cầu theo mô hình hạch toán phụ thuộc như hiện nay.

### 4. Năm 2007 công ty thành lập Ban Pháp chế nhằm rà soát tính pháp lý cho toàn bộ các hợp đồng mua bán, đầu tư, liên doanh, liên kết của công ty với đối tác trước khi ký kết thực hiện. Từ đó cũng hạn chế được phần nào rủi ro cho công ty.

## **Trưởng Ban kiểm toán nội bộ**

**CN. Đỗ Thị Thanh Thúy**

*Tp. Cao Lãnh ngày 05 tháng 04 năm 2008*

## **PHẦN V: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần, vốn góp của công ty: không có.

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ: không có.

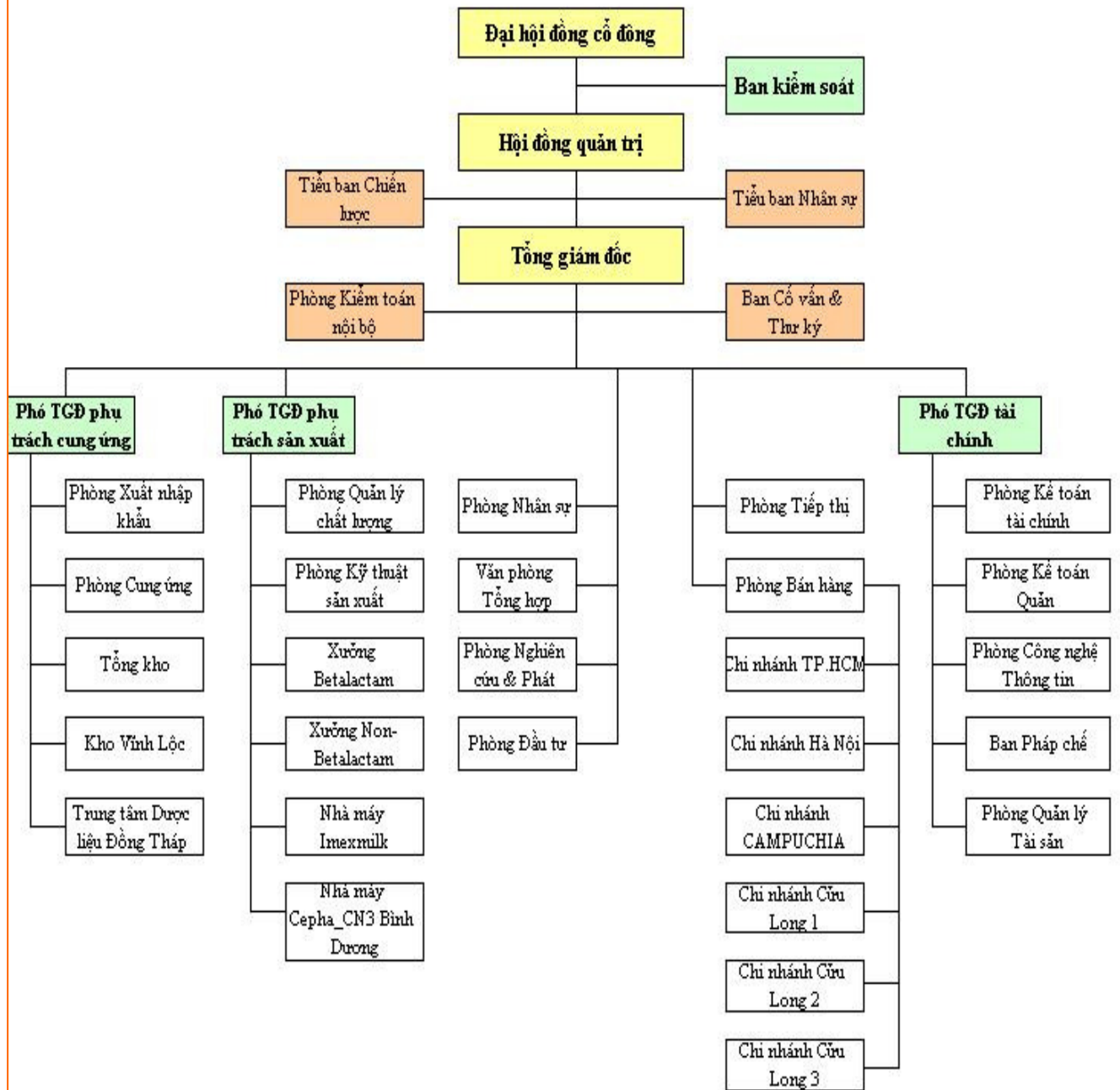
Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

| <b>Bên liên quan</b>               | <b>Mối quan hệ</b>      |
|------------------------------------|-------------------------|
| Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại     | Đầu tư góp vốn 26%      |
| Công ty cổ phần dược phẩm An Giang | Chiếm 25,5% vốn điều lệ |

## **PHẦN VI: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

### **I. Cơ cấu tổ chức**

### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY IMEXPHARM



## II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc

|                        |  |
|------------------------|--|
| <b>Bà Trần Thị Đào</b> | <b>Tổng Giám đốc</b>   |
| Năm sinh               | 1952   |
| Trình độ văn hóa       | Đại học  |
| Trình độ chuyên môn    | Dược sỹ  |
| Kinh nghiệm            | 1984-2004: Giám đốc Công ty Dược Đồng Tháp, TW7, Imexpharm.<br>2005-nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CPDP Imexpharm |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| <b>Ông Nguyễn Quốc Định</b> | <b>Phó Tổng Giám đốc</b>  |
| Năm sinh                    | 1962  |
| Trình độ văn hóa            | Đại học   |
| Trình độ chuyên môn         | Cử nhân Tài chính kế toán   |
| Kinh nghiệm                 | 1955-1999: Phòng Nghiệp vụ I - Cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp<br>1999-2004: Phó Giám đốc công ty Dược Đồng Tháp, TW7, Imexpharm.<br>2005-nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CPDP Imexpharm. |

|                     |   |
|---------------------|---|
| Ông Trần Thái Hoàng | Phó Tổng Giám đốc   |
| Năm sinh            | 1962  |
| Trình độ văn hóa    | Đại học   |
| Trình độ chuyên môn | Dược sỹ   |
| Kinh nghiệm         | 1997-2004: Phó Giám đốc công ty Dược Đồng Tháp, TW7, Imexpharm.<br>2005-nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CPDP Imexpharm. |

|                        |  |
|------------------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Phó Tổng Giám đốc  |
| Năm sinh               | 1961   |
| Trình độ văn hóa       | Đại học  |
| Trình độ chuyên môn    | Dược sỹ  |
| Kinh nghiệm            | 1989-2004: Trưởng Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh công ty Dược Đồng Tháp, TW7, Imexpharm.<br>2005-nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CPDP Imexpharm. |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|                           | Năm nay              | Năm trước            |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương, thu nhập khác | 2.987.165.135        | 1.747.590.508        |
| <b>Cộng</b>               | <b>2.987.165.135</b> | <b>1.747.590.508</b> |

### III. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Quy mô lao động của Imexpharm ngày càng tăng về lượng và tăng tương đối về chất để đáp ứng kịp thời nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động cũng như tốc độ phát triển nhanh của Công ty, thông qua các chỉ tiêu sau:

| Chỉ tiêu                        | Năm 2006 | %     | Năm 2007 | %     | % (+/-) so với 2006 |
|---------------------------------|----------|-------|----------|-------|---------------------|
| Tổng số CB.CNV                  | 605      | 100   | 730      | 100   | 20.66               |
| - Nam                           | 335      | 55.37 | 414      | 56.71 | 23.58               |
| - Nữ                            | 270      | 44.63 | 316      | 43.29 | 17.04               |
| Trình độ Đại học                | 127      | 20.99 | 156      | 21.37 | 22.83               |
| Trình độ Cao đẳng,<br>Trung cấp | 215      | 35.54 | 275      | 37.67 | 27.91               |
| Trình độ khác                   | 263      | 43.47 | 299      | 40.96 | 13.69               |

Với quy mô lao động ngày càng phát triển nhanh, việc chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên chức được công ty thực hiện tốt về vật chất lẫn tinh thần. Thu nhập bình quân của người lao động không ngừng tăng lên, từ 4.5 triệu đồng/ người/ tháng năm 2006 đã tăng lên mức trên 5 triệu đồng/người/tháng năm 2007. Không những vậy, Imexpharm còn duy trì chế độ nghỉ mát, khám sức khỏe... định kỳ hàng năm cho 100% cán bộ công nhân viên; đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động; thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm Y tế, bảo hiểm Xã hội, tai nạn cho người lao động; bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật; tặng quà nhân dịp các ngày lễ lớn và 8/3, 20/10; tổ chức hội thao, hội diễn văn nghệ, các hội thi giao lưu với các đơn vị bạn trong và ngoài tỉnh; hỏi thăm, chia sẻ niềm vui nỗi buồn, trợ cấp khó khăn cho người lao động; khen thưởng cho các cháu là con cán bộ công nhân viên có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi và tặng quà nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu...

#### Chính sách đào tạo

Để phát triển bền vững, việc đào tạo nguồn nhân lực cũng được IMEXPHARM đặt lên hàng đầu.

Trong năm 2007, Công ty đã tổ chức 14 lớp đào tạo cho 924 lượt người về quản lý chất lượng, chuyên môn nghiệp vụ, sản phẩm, kỹ năng bán hàng, văn hóa doanh nghiệp... Trong

đó, đã có 3 Dược sỹ theo học cao học chuyên ngành Dược, 25 Dược sỹ học chuyên khoa Dược cấp I, 15 Dược sỹ trung học chuyên tu Dược Đại học. Các lớp đào tạo đã giúp cho cán bộ công nhân viên công ty cập nhật và nâng cao kỹ năng, chuyên môn, năng lực vững vàng đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển của công ty.

Đặc biệt, công ty luôn quan tâm đội ngũ kế thừa và có những chính sách để thu hút, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ kế thừa với tiêu chí: trẻ hóa, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nhạy bén, năng động, sáng đạo để phù hợp với xu hướng và tốc độ phát triển của Imexpharm nói riêng và hoàn cảnh kinh tế xã hội hiện nay nói chung.

Trong năm 2007, Imexpharm đã quyết tâm thực hiện tái cấu trúc bộ máy, bổ nhiệm lại một số vị trí quan trọng, tạo điều kiện phát triển cho đội ngũ trẻ cũng như phù hợp với sự phát triển nhanh và ngày càng lớn mạnh, năng động của Công ty.



## PHẦN VII: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

#### *Hội đồng quản trị*

| Họ và tên              | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số cổ phần sở hữu |
|------------------------|----------|---------------|-----------------|-------------------|
| Bà Trần Thị Đào        | Chủ tịch | 19/02/2005    | -               | 108.900           |
| Ông Nguyễn Quốc Định   | Ủy viên  | 19/02/2005    | -               | 84.700            |
| Ông Trần Thái Hoàng    | Ủy viên  | 19/02/2005    | -               | 48.400            |
| Bà Lưu Thị Hạnh        | Ủy viên  | 19/02/2005    | -               | 24.200            |
| Bà Nguyễn Kiêm Phương  | Ủy viên  | 19/02/2005    | -               | 36.300            |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Ủy viên  | 19/02/2005    | -               | 48.400            |
| Ông Hoàng Thọ Phồn     | Ủy viên  | 19/02/2005    | -               | 14.520            |

#### *Ban kiểm soát*

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số cổ phần sở hữu |
|----------------------|------------|---------------|-----------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Đức Quảng | Trưởng ban | 19/02/2005    | -               | 6.530             |
| Bà Đỗ Thị Thanh Thúy | Phó ban    | 19/02/2005    | -               | 3.630             |
| Ông Nguyễn Văn Hoàng | Ủy viên    | 19/02/2005    | -               | 4.350             |

#### *Ban Tổng Giám đốc*

| Họ và tên              | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số cổ phần sở hữu |
|------------------------|-------------------|---------------|-----------------|-------------------|
| Bà Trần Thị Đào        | Tổng Giám đốc     | 19/02/2005    | -               | 108.900           |
| Ông Nguyễn Quốc Định   | Phó Tổng Giám đốc | 03/03/2005    | -               | 84.700            |
| Ông Trần Thái Hoàng    | Phó Tổng Giám đốc | 03/03/2005    | -               | 48.400            |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Phó Tổng Giám đốc | 31/10/2006    | -               | 48.400            |

Ngoài ra, Bà Trần Thị Đào còn đại diện sở hữu cho phần vốn góp của Nhà nước tại IMEXPHARM là: 3.036.160 cổ phiếu.

Trong năm qua không có sự giao dịch cổ phiếu IMP của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

## II. Các dữ liệu thống kê về cơ cấu

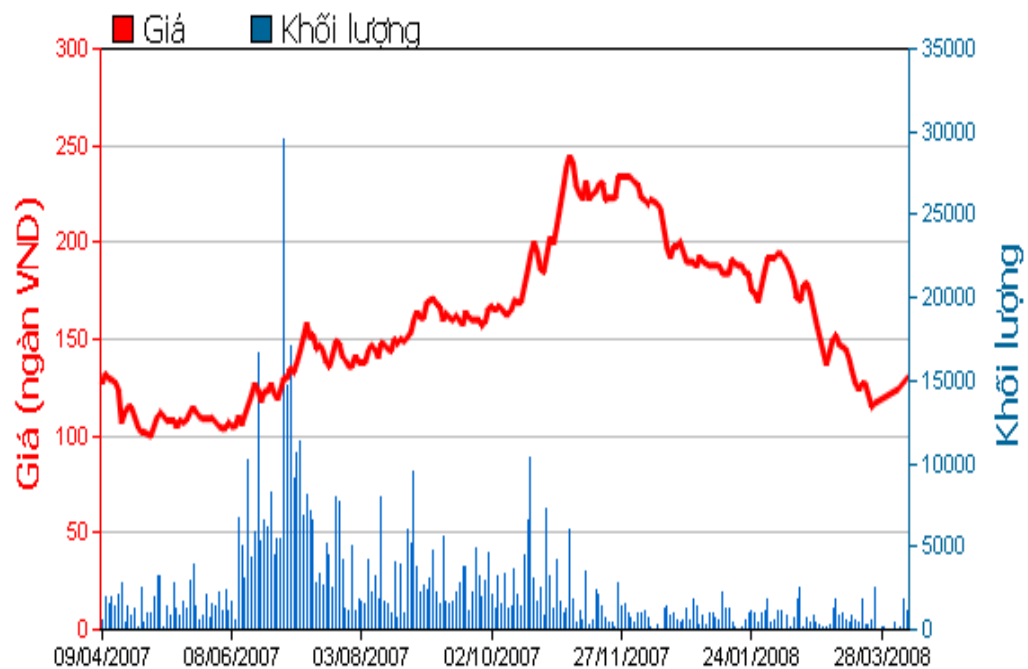
| Danh mục  | Giá trị (đồng)  | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------|-----------|
| Vốn cổ phần   | 116.598.200.000 | 100%      |
| Cổ đông trong nước  | 73.334.300.000  | 62,89%    |
| Cổ đông nước ngoài  | 43.263.900.000  | 37,11%    |
| Tổng vốn điều lệ :  | 116.598.200.000 | 100%      |
| - Cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:     | 37.361.600.000  | 32,04%    |
| - Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 37.891.600.000  | 32,50%    |
| - Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:     | 41.345.000.000  | 35,46%    |
| Trong đó:   |                 |           |
| - Cổ đông Nhà nước:   | 30.361.600.000  | 26,04%    |
| - Cổ đông bên ngoài công ty:                                | 63.325.460.000  | 54,25%    |
| - Cổ đông trong công ty                                     | 22.980.000.000  | 19,71%    |

### Cổ đông lớn

| TT | Tên cổ đông lớn            | Trước khi phát hành |        | Sau khi phát hành |        |
|----|----------------------------|---------------------|--------|-------------------|--------|
|    |                            | Số lượng            | Tỷ lệ  | Số lượng          | Tỷ lệ  |
| 1  | Tổng Công ty dược Việt Nam | 2.613.600           | 28,29% | 3.036.160         | 26,04% |
| 2  | J.P.Morgan Whitefriars INC | 522.120             | 5,65%  | 574.330           | 4,93%  |
| 3  | VietNam Holding LTD        | -                   | -      | 700.000           | 6%     |

**PHẦN VIII:**
**THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU IMP**

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| Giá IMP cao nhất 52 tuần qua      | : 245.000 đồng/cổ phiếu (ngày 05/11/2007, Vn-Index 1.047,15 điểm). |
| Giá IMP thấp nhất 52 tuần qua     | : 94.320 đồng/cổ phiếu (ngày 04/05/2007, Vn-Index 947,19 điểm).    |
| Vn-Index cao nhất 52 tuần qua     | : 1.170,67 điểm (ngày 12/03/2007)                                  |
| Vn-Index thấp nhất 52 tuần qua    | : 496,64 điểm (ngày 25/03/2008)                                    |
| Giá trị sổ sách (Book value) 2007 | : 42.672 đồng/cổ phiếu.  |


**Tình hình giao dịch cổ phiếu IMP trong 52 tuần qua**

(Nguồn: [www.vse.org.vn](http://www.vse.org.vn))

## **PHỤ LỤC: NHỮNG THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI NĂM 2007**

Với các hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và hoạt động xã hội bền bỉ không mệt mỏi, Imexpharm nhận được rất nhiều sự công nhận và khích lệ trong năm 2007:

- Năm 2007 là năm thứ 2 liên tiếp Imexpharm được Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam tặng bằng khen xuất sắc trong sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp, theo quyết định số: 0594/PTM-TĐKT ngày 05 tháng 3 năm 2007.
- Được Bộ Thương Mại Việt Nam tặng danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.
- Bộ Công An tặng bằng khen xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc ngày 17/01/2007.
- Năm 2007 cũng là năm Imexpharm được Bộ lao động – TBXH tặng bằng khen xuất sắc trong công tác chính sách.
- Bộ Giáo dục – Đào tạo tặng bằng khen xuất sắc trong hoạt động khuyến học.
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thành viên Ban tổ chức bình chọn trao tặng Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng bằng khen xuất sắc trong công tác Đền ơn đáp nghĩa.
- Tỉnh Ủy Đồng Tháp quyết định công nhận tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.